

CENSOGOR

Trung tâm nghiên cứu
Quản trị Xã hội



British Embassy
Hanoi

HỘI THẢO THAM VẤN
HOÀN THIỆN HAI BÁO CÁO VỀ KINH DOANH LIÊM CHÍNH TẠI VIỆT NAM

CONSULTATION WORKSHOP ON
TWO REPORTS SURVEYING PRACTICAL BUSINESS INTEGRITY
EXPERIENCES IN VIETNAM

Hà Nội, ngày 20/2/2017

Hanoi, 20th February 2017



PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG KINH DOANH

Đánh giá dưới góc nhìn thực tiễn của doanh nghiệp

Tháng 3-2017

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	2
DANH MỤC BẢNG.....	3
DANH MỤC HÌNH.....	3
DANH MỤC HỘP	3
CẤU TRÚC CỦA BÁO CÁO	6
CHƯƠNG 1 THAM NHỮNG TRONG KINH DOANH: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG.....	14
1.1 Tham nhũng trong kinh doanh.....	14
1.2 Tác động của tham nhũng tới doanh nghiệp.....	16
1.3 Chống tham nhũng trong kinh doanh.....	19
1.4. Lợi ích của phòng, chống tham nhũng với doanh nghiệp.....	22
CHƯƠNG 2 KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ VÀ CƠ CHẾ PHÒNG, CHỐNG THAM NHỮNG TRONG KINH DOANH	25
2.1 Khung pháp lý và quy ước quốc tế	25
2.2 Khung pháp lý của Việt Nam.....	28
2.3 Thực trạng tham nhũng trong khu vực kinh doanh.....	30
2.4 Thực tiễn thực hiện các biện pháp phòng, chống tham nhũng trong kinh doanh tại Việt Nam.....	31
CHƯƠNG 3 THỰC HÀNH LIÊM CHÍNH TRONG KINH DOANH: KINH NGHIỆM CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM.....	35
3.1 Các phát hiện chính.....	35
3.2 Một số ví dụ về thực tiễn áp dụng các biện pháp phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp tại Việt Nam	44
CHƯƠNG 4 KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	56
4.1 Kết luận chung	56
4.2 Khuyến nghị.....	57

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
COST	Sáng kiến minh bạch trong ngành xây dựng
EITI	Sáng kiến minh bạch trong ngành khai khoáng
GITI	Sáng kiến minh bạch trong ngành dệt may
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
PACI	Sáng kiến đối tác chống tham nhũng
PAPI	Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công
PCI	Chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh
PCTN	Phòng chống tham nhũng
TI	Tổ chức Minh Bạch Quốc Tế
TTCP	Thanh tra Chính phủ
UNCAC	Công ước Quốc tế về Chống Tham nhũng
UNGC	Hiệp ước toàn cầu của Liên hợp quốc
VCCI	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
VBF	Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam
XHDS	Xã hội dân sự

DANH MỤC BẢNG

Bảng 3.1 Mối quan tâm của các bên liên quan tới năng lực phòng chống tham nhũng của doanh nghiệp.....	45
Bảng 3.2 Mẫu khai báo nguy cơ xung đột lợi ích của người lao động.....	53

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Lợi ích của các biện pháp phòng, chống tham nhũng với doanh nghiệp.....	23
Hình 3.1. Số lượng doanh nghiệp có cam kết của lãnh đạo cấp cao về phòng ngừa tham nhũng	36
Hình 3.2. Số lượng doanh nghiệp có công khai cam kết phòng chống tham nhũng	37
Hình 3.3. Số doanh nghiệp có đánh giá rủi ro tham nhũng thường niên	38
Hình 3.4. Một số chính sách phòng ngừa tham nhũng quan trọng của doanh nghiệp.....	39
Hình 3.5. Theo dõi đánh giá nội bộ	40
Hình 3.6. Đánh giá độc lập	41
Hình 3.7. Đối tượng doanh nghiệp phổ biến các biện pháp chống tham nhũng.....	421
Hình 3.8. Đối tượng của các khóa đào tạo về áp dụng biện pháp chống tham nhũng.....	42
Hình 3.9. Số doanh nghiệp áp dụng chính sách bảo vệ người tố cáo	43
Hình 3.10. Đánh giá rủi ro trong quy trình xây dựng và vận hành chương trình phòng ngừa tham nhũng của doanh nghiệp	48
Hình 3.11 Quy trình cơ bản về công khai và giám sát nguy cơ xung đột lợi ích tại một số doanh nghiệp.....	52
Hình 3.12 Thủ tục thông báo bổ sung khi có xung đột lợi ích mới phát sinh.....	53

DANH MỤC HỘP

Hộp 3.1 – Ví dụ minh họa về truyền thông chương trình liêm chính của doanh nghiệp tới các bên liên quan.....	44
Hộp 3.2 Ví dụ minh họa về quản lý rủi ro liêm chính trong doanh nghiệp	47
Hộp 3.3 Nhận định của doanh nghiệp về tác động của môi trường làm việc liêm chính tới năng suất làm việc của người lao động.....	49
Hộp 3.4 Ví dụ minh họa nhận thức của doanh nghiệp yêu cầu liêm chính trong kinh doanh khi hợp tác với đối tác nước ngoài	50

TÓM TẮT BÁO CÁO

GIỚI THIỆU CHUNG

Tình trạng tham nhũng tại Việt Nam đang ngày càng phổ biến, đe dọa tới sự phát triển bền vững của nền kinh tế và gây ra các hậu quả nghiêm trọng đối với đời sống xã hội. Tham nhũng làm xói mòn tinh thần kinh doanh liêm chính, khởi nghiệp sáng tạo, cản trở cạnh tranh lành mạnh và suy giảm chất lượng của nền kinh tế thị trường. Đặc biệt, tham nhũng tạo ra các luồng tiền bất hợp pháp dưới hình thức các khoản trốn thuế, hối lộ và rửa tiền...

Trong những năm gần đây, Nhà nước đã thể hiện rõ quyết tâm cải thiện môi trường kinh doanh thông qua các biện pháp như cải cách thể chế, đơn giản hoá thủ tục hành chính để tạo dựng một môi trường kinh doanh lành mạnh, phi tham nhũng.

Tuy nhiên, các nỗ lực này chưa đạt hiệu quả cao do mới chỉ giới hạn trong lĩnh vực đăng ký thành lập doanh nghiệp, thủ tục đầu tư. Chỉ số cảm nhận tham nhũng (CPI) năm 2016 của Tổ Chức Minh Bạch Quốc Tế (TI) dựa trên cảm nhận của doanh nhân và chuyên gia về tham nhũng trong khu vực công cho thấy Việt Nam (được 33/100 điểm, đứng thứ 113/176 trên bảng xếp hạng toàn cầu) vẫn đang nằm trong nhóm các nước mà tham nhũng được cho là nghiêm trọng. Ngoài ra, theo Phong vũ biểu tham nhũng toàn cầu (GCB) 2016 đánh giá quan điểm và trải nghiệm của người dân Việt Nam về tham nhũng, 38% người được hỏi cho rằng lãnh đạo doanh nghiệp là một trong ba nhóm có mức độ tham nhũng cao nhất bên cạnh cán bộ thuế và cảnh sát (lần lượt là 48% và 57%).

Doanh nghiệp được nhìn nhận đóng vai trò như “mắt xích kép”: vừa là nạn nhân, vừa là tác nhân gây ra tham nhũng. Có đến 66% doanh nghiệp dân doanh trong nước đã phải chi trả các chi phí không chính thức và 59% doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) phải trả chi phí không chính thức khi làm thủ tục hải quan. Đồng thời, 61,5% doanh nghiệp có hành vi biếu tiền và hầu như tất cả các doanh nghiệp đều có “lại quả” cho đối tác. Trong công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN), Chính phủ đang có cái nhìn tích cực hơn về vai trò của doanh nghiệp và khuyến khích doanh nghiệp áp dụng các biện pháp PCTN nội bộ cũng như phối hợp với cộng đồng doanh nghiệp và các cơ quan chức năng cùng hành động để đẩy mạnh hiệu quả công tác PCTN. Các nghiên cứu trên thế giới và tại Việt Nam gần đây đã chỉ ra rằng áp dụng các biện pháp PCTN trong kinh doanh giúp mang lại các lợi ích nhất định cho doanh nghiệp như tăng doanh thu, thu hút khách hàng, giảm chi phí vận hành và vốn, giảm thiểu rủi ro. Tuy nhiên, một số lượng lớn các công ty, bao gồm cả các doanh nghiệp vừa và nhỏ, vẫn hoài nghi về kết quả thực sự của việc thực hiện các biện pháp này do thiếu bằng chứng thực tế về "chi phí và lợi ích" của việc áp dụng một chương trình PCTN cho doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam và thiếu các hướng dẫn thực hành để áp dụng hiệu quả những biện pháp được cho là khả thi.

Trong thời gian qua, đã có nhiều nghiên cứu tập trung vào thực trạng tham nhũng trong kinh doanh tại Việt Nam; tuy nhiên, vấn đề làm thế nào để PCTN trong kinh doanh và các biện pháp nào đã được thực hiện trong doanh nghiệp tại Việt Nam lại ít được đề cập đến.

Nghiên cứu này là một hoạt động của dự án "Thúc đẩy ứng dụng các tiêu chuẩn quốc tế về liêm chính trong kinh doanh để cải thiện môi trường kinh doanh ở Việt Nam và tăng cường hội nhập quốc tế" do Trung tâm Nghiên cứu Quản trị Xã hội (CENSOGOR) phối hợp với Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR) thực hiện với sự hỗ trợ tài chính của Quỹ thịnh vượng của Vương quốc Anh do Đại sứ quán Anh tại Hà Nội quản lý.

MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Mục tiêu

Báo cáo nhằm nghiên cứu thực tiễn áp dụng và triển khai các chính sách, quy trình phòng ngừa tham nhũng trong kinh doanh (trong tài liệu này còn được gọi là Chương trình Liêm chính doanh nghiệp) tại các doanh nghiệp ngoài nhà nước có đăng ký và đang hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam - các doanh nghiệp này bao gồm doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp tư nhân. Đồng thời, báo cáo đưa ra một số khuyến nghị cụ thể đối với các doanh nghiệp để phát huy hiệu quả công tác PCTN trong doanh nghiệp.

Câu hỏi nghiên cứu

“Chủ động phòng ngừa tham nhũng đem lại lợi ích thiết thực gì cho doanh nghiệp và doanh nghiệp có thể áp dụng những biện pháp khả thi nào trong môi trường kinh doanh hiện nay ở Việt Nam?”

Phương pháp nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu tổng quan tài liệu và khảo sát thực địa để xây dựng báo cáo này.

Nghiên cứu các tài liệu trong nước và quốc tế về các vấn đề: tham nhũng trong kinh doanh, tác động của tham nhũng trong kinh doanh tới doanh nghiệp; PCTN trong kinh doanh và tác động của các biện pháp PCTN tới doanh nghiệp; chuẩn mực PCTN trên thế giới và khung pháp lý về PCTN tại Việt Nam.

Tiến hành phỏng vấn trực tiếp đại diện của 35 doanh nghiệp tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm các doanh nghiệp là thành viên của Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam, Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh và các doanh nghiệp trong mạng lưới của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI).

- *Mục đích của phỏng vấn thực địa:* nhằm đánh giá nhận thức của doanh nghiệp về các hình thức và tác động của hành vi tham nhũng trong kinh doanh, các tiêu chuẩn quốc tế và trong nước về PCTN và những biện pháp doanh nghiệp đang áp dụng để thúc đẩy

minh bạch trong doanh nghiệp. Phòng vấn cũng tập trung vào các lợi ích thương mại mà các biện pháp PCTN doanh nghiệp đang áp dụng đem lại.

- **Nội dung chính của cuộc phỏng vấn gồm:**
 - ✓ Những biện pháp PCTN doanh nghiệp đang áp dụng và tác động của những biện pháp này tới doanh nghiệp.
 - ✓ Khuyến nghị giải pháp thúc đẩy doanh nghiệp PCTN.
- **Các cuộc phỏng vấn được thực hiện như sau:**
 - ✓ Bảng hỏi được thiết kế gồm ba nhóm câu hỏi về (1) Cam kết của ban điều hành; (2) Các biện pháp PCTN và (3) Các biện pháp kiểm tra và rà soát. Với mỗi câu hỏi, đại diện doanh nghiệp có thể lựa chọn phương án trả lời Có, Không, Một phần và Có dự định. Nếu doanh nghiệp trả lời Có, doanh nghiệp sẽ được hỏi các câu hỏi chi tiết, cụ thể về các biện pháp PCTN; lợi ích, chi phí khi áp dụng các biện pháp PCTN và bài học doanh nghiệp đưa ra khi tiến hành biện pháp thành công. Với trường hợp doanh nghiệp trả lời Không, Một phần hoặc Dự định, doanh nghiệp sẽ được hỏi sâu hơn về lý do, có gặp khó khăn gì trong quá trình thực hiện hoặc lý do doanh nghiệp chưa hoặc không áp dụng biện pháp PCTN.
 - ✓ Thời gian phỏng vấn đối với mỗi doanh nghiệp kéo dài khoảng một giờ đồng hồ. Đối tượng được hỏi thường là một lãnh đạo của doanh nghiệp hoặc trưởng bộ phận phụ trách lĩnh vực có liên quan.
- **Thời gian tiến hành phỏng vấn: tháng 11 và 12/2016.**

CÁU TRÚC CỦA BÁO CÁO

- Chương 1:** Tham nhũng trong kinh doanh - Những vấn đề chung
- Chương 2:** Khung khổ pháp lý và cơ chế phòng chống tham nhũng trong kinh doanh
- Chương 3:** Thực hành liêm chính trong kinh doanh: Kinh nghiệm từ doanh nghiệp tại Việt Nam
- Chương 4:** Nhận xét mang tính kết luận và Khuyến nghị chính sách

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VÀ KHUNG PHÁP LÝ VIỆT NAM

Tiêu chuẩn quốc tế

Báo cáo tập trung nghiên cứu Các nguyên tắc chống hối lộ trong kinh doanh (Business Principles for Countering Bribery) của Tổ chức Minh Bạch Quốc Tế (TI) và Hướng dẫn Báo cáo về Chương trình PCTN theo nguyên tắc số 10 của Hiệp ước Toàn cầu của Liên Hợp Quốc (Reporting Guidance on the 10th Principle against corruption), từ đó làm cơ sở tham chiếu cho thực tiễn áp dụng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam. Cụ thể:

- **Các nguyên tắc chống hối lộ trong kinh doanh:** (i) Doanh nghiệp sẽ ngăn chặn hối lộ dưới bất kỳ hình thức nào, trực tiếp hoặc gián tiếp; (ii) Doanh nghiệp sẽ cam kết thực hiện một chương trình chống hối lộ. Theo đó, chương trình chống hối lộ tối thiểu cần bao trùm các lĩnh vực: Hối lộ, Ủng hộ chính trị, Đóng góp từ thiện và tài trợ, Các khoản “bôi trơn”, Quà tặng, tiếp khách và các chi phí khác. Bộ nguyên tắc cũng nêu ra các yêu cầu tối thiểu đối với doanh nghiệp khi thực hiện chương trình phòng chống hối lộ, gồm các yêu cầu về Tổ chức và trách nhiệm, Các quan hệ kinh doanh, Nguồn nhân lực, Đào tạo, Các kênh để nêu quan ngại và yêu cầu được hướng dẫn, Kênh thông tin, Kiểm soát nội bộ và lưu giữ sổ sách; Theo dõi, đánh giá; Hợp tác với các cơ quan có liên quan; Sự bảo đảm từ bên ngoài.
- **Hướng dẫn Báo cáo về Chương trình PCTN theo nguyên tắc số 10 của Hiệp ước Toàn cầu** đưa ra 22 nội dung báo cáo về chương trình PCTN, được chia thành 3 nhóm chính gồm: cam kết và chính sách, thực thi, giám sát; trong đó có xác định các hợp phần cấu thành một chương trình PCTN toàn diện.

7 nội dung cơ bản của báo cáo cơ bản bao gồm:

- Cam kết hành động chống các loại hình tham nhũng được công khai rộng rãi;
- Cam kết tuân thủ pháp luật bao gồm luật PCTN;
- Biến các cam kết PCTN thành hành động;
- Lãnh đạo của tổ chức ủng hộ PCTN;
- Truyền thông, đào tạo về các cam kết PCTN cho tất cả người lao động;
- Kiểm tra và cân đối nội bộ để đảm bảo phù hợp với các cam kết PCTN;
- Quy trình giám sát và hoàn thiện.

Khung pháp lý Việt Nam

Tại Việt Nam, các doanh nghiệp được khuyến khích tham gia vào công tác PCTN; điều này đã được ghi nhận trong các văn bản pháp luật của nhà nước. Từ năm 2009, Chính phủ đã ban hành Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020. Một trong các giải pháp được đưa ra trong Chiến lược này là “Phát huy vai trò của doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề trong PCTN thông qua việc xây dựng và thực hiện văn hóa kinh doanh lành mạnh, phi tham nhũng; phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để ngăn chặn và phát hiện kịp thời hành vi những nhiễu, đòi hối lộ của cán bộ, công chức.”

Hai văn bản pháp lý cơ bản về PCTN trong kinh doanh ở Việt Nam là Luật PCTN 2005 (sửa đổi bổ sung năm 2007 và 2012) (Luật PCTN) và Nghị định 47/2007/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật PCTN về Vai trò và trách nhiệm của xã hội trong PCTN (Nghị định 47). Cụ thể, Điều 87 Luật PCTN và Chương IV Nghị định 47 đã quy định một cách khái quát trách nhiệm của doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp và hiệp hội ngành nghề trong PCTN là:

- ✦ Tuyên truyền, động viên cán bộ, người lao động trong doanh nghiệp, các hội viên của hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề về thực hiện pháp luật PCTN.

Ngoài ra, các Hiệp hội cũng có trách nhiệm động viên, khuyến khích các hội viên xây dựng văn hoá kinh doanh lành mạnh, phi tham nhũng, xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, người lao động trong doanh nghiệp để phòng ngừa tham nhũng.

- ✚ Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện tham nhũng:
 - Cảnh tranh lành mạnh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
 - Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước và người lao động.
 - Thực hiện chế độ thống kê theo quy định của pháp luật.
 - Công khai, minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp.
 - Xây dựng, thực hiện các quy định về kiểm soát nội bộ.
- ✚ Khuyến khích tố cáo tham nhũng, cung cấp thông tin, phối hợp với cơ quan nhà nước trong giải quyết vụ việc có dấu hiệu tham nhũng.
- ✚ Kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật PCTN.

Một trong số trách nhiệm nổi bật là công khai, minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp, áp lực từ thị trường là một yếu tố quan trọng thúc đẩy doanh nghiệp công khai, minh bạch trong hoạt động và PCTN. Để phản ánh điều này, Luật Chứng khoán 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) đã dành một điều quy định cụ thể về nghĩa vụ công bố thông tin của các công ty đại chúng.

KẾT QUẢ KHẢO SÁT THỰC ĐỊA

Khảo sát thực địa đưa ra một số kết quả và ví dụ về thực tiễn áp dụng biện pháp PCTN trong doanh nghiệp ở Việt Nam như sau.

Các kết quả chính

Kết quả phỏng vấn cho thấy, 29/ trong số 35 doanh nghiệp đã thể hiện cam kết PCTN trong bộ quy tắc ứng xử. Tuy nhiên, việc doanh nghiệp đưa cam kết lên trên sản phẩm hoặc công khai cam kết PCTN qua các chiến dịch truyền thông, quảng cáo còn chưa phổ biến.

Ở phạm vi nội bộ doanh nghiệp, các doanh nghiệp được phỏng vấn đã và đang áp dụng một số chính sách PCTN. Trong đó, 26 doanh nghiệp có kênh tố cáo nội bộ như: đường dây nóng “Hot Line”, email, trang web, hộp thư góp ý; 24 doanh nghiệp có chính sách quy định chống chi phí bôi trơn; 22 doanh nghiệp thực hiện đánh giá rủi ro tham nhũng thường niên; 22 doanh nghiệp có chính sách chống xung đột lợi ích; 19 doanh nghiệp có chính sách về quà tặng. Tuy nhiên, chỉ có 2/ trong số 35 doanh nghiệp có quy định cụ thể về quyền góp từ thiện và tài trợ.

Về phổ biến chính sách PCTN: 27/ trong số 35 doanh nghiệp cung cấp khóa đào tạo về áp dụng biện pháp PCTN thiết kế riêng cho cấp lãnh đạo, quản lý và nhân viên.

Về công tác rà soát, đánh giá hiệu quả các chính sách PCTN: 31 doanh nghiệp có thực hiện rà soát định kỳ nội bộ và 22 doanh nghiệp có rà soát chính sách PCTN thường kỳ. Tuy nhiên, việc rà soát, đánh giá sự phù hợp của chương trình phòng ngừa tham nhũng bởi Ủy ban kiểm toán độc

lập còn chưa phổ biến. Trong số 35 doanh nghiệp phỏng vấn, chỉ có 5 doanh nghiệp áp dụng rà soát, đánh giá chương trình phòng ngừa tham nhũng do Ủy ban kiểm toán độc lập thực hiện và 9 doanh nghiệp có công khai hiệu quả chương trình phòng ngừa.

Cũng cần lưu ý rằng, không phải doanh nghiệp nào cũng áp dụng thành công các biện pháp phòng ngừa tham nhũng. Ví dụ, các doanh nghiệp cho rằng việc xóa bỏ hoàn toàn chi phí bôi trơn cho các thủ tục hành chính là chưa thực sự hiệu quả, khi các lỗ hổng trong quy định pháp luật vẫn tạo cơ hội để cán bộ, công chức gây phiền hà cho doanh nghiệp và đòi hối lộ. Kết quả phỏng vấn cho thấy: dù có đủ khả năng tự thực hiện các giao dịch xin cấp phép, thông quan, nhiều doanh nghiệp vẫn phải sử dụng dịch vụ của công ty trung gian để giảm bớt rủi ro pháp lý liên quan đến chi phí bôi trơn.

Ở phạm vi đối tác kinh doanh, 19/ trong số 35 doanh nghiệp phổ biến chính sách tới đối tác kinh doanh và các bên liên quan khác như trung gian, khách hàng... Mặc dù các doanh nghiệp được hỏi coi trọng tính liêm chính của đối tác kinh doanh, phần lớn các doanh nghiệp chưa coi việc đào tạo và , phổ biến chính sách PCTN cho đối tác kinh doanh là yêu cầu bắt buộc; mà chủ yếu chỉ yêu cầu đối tác ký cam kết, còn việc triển khai, tuân thủ những cam kết này phụ thuộc vào sự tự giác, chủ động của doanh nghiệp đối tác và các bên liên quan khác. Việc thực hiện các khóa đào tạo cho đối tác kinh doanh và bên liên quan chỉ được 11 doanh nghiệp thực hiện.

Ở phạm vi môi trường kinh doanh, kết quả phỏng vấn cho thấy niềm tin của doanh nghiệp vào việc phát hiện và xử lý các doanh nghiệp tham nhũng trên thực tế còn hạn chế, chưa chứng tỏ được hiệu quả ở phạm vi rộng (trừ một số ít vụ án tham nhũng trọng điểm đã và đang được xử lý). Các doanh nghiệp được phỏng vấn đều cho rằng rất cần tháo bỏ gánh nặng quy định pháp luật, xóa bỏ những lỗ hổng pháp lý, những quy định thiếu rõ ràng, hạn chế tình trạng doanh nghiệp dịch vụ làm trung gian, môi giới cho tham nhũng vặt.

Một số ví dụ về thực tiễn áp dụng biện pháp PCTN trong doanh nghiệp ở Việt Nam

1. Truyền thông và phổ biến về liêm chính và đạo đức kinh doanh

Một doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực sản phẩm điện tử tại thành phố Hồ Chí Minh chủ động chia sẻ với đối tác kinh doanh, các bạn sinh viên, người trẻ trong xã hội về giá trị cốt lõi của công ty trong đó nhấn mạnh về giá trị liêm chính, đạo đức kinh doanh, và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp tin tưởng rằng, kinh doanh lành mạnh, liêm chính giúp xây dựng và bảo vệ danh tiếng và uy tín của họ.

2. Định kỳ đánh giá rủi ro tham nhũng

Chính sách quản lý rủi ro của doanh nghiệp A bao gồm khâu rà soát nhận diện rủi ro tham nhũng. Văn hóa nhận diện và phòng ngừa tham nhũng được toàn bộ nhân viên của doanh nghiệp

nhận thức và thực hiện đều đặn định kỳ. Giám đốc doanh nghiệp luôn coi trọng khâu đánh giá rủi ro làm cơ sở cho việc phòng ngừa tham nhũng và luôn ủng hộ những sáng kiến, giải pháp giúp phát hiện và giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp.

Giám đốc doanh nghiệp là người chỉ đạo việc rà soát rủi ro và giao nhiệm vụ cụ thể cho Trưởng bộ phận quản lý rủi ro. Việc rà soát rủi ro được thực hiện ở các cấp độ rủi ro: quốc gia, ngành và quy trình hoạt động kinh doanh. Ở cấp độ quy trình hoạt động, từng khâu trong quy trình được rà soát nhằm xác định những nguy cơ thiếu tuân thủ, xung đột lợi ích, câu kết, hối lộ vv... có thể xảy ra. Sau khi đã nhận diện được các nguy cơ, bộ phận quản lý rủi ro sẽ phân tích và làm việc với từng bộ phận liên quan để đánh giá tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ hiện tại và nếu cần thiết, đề xuất tăng cường biện pháp kiểm soát và giảm thiểu rủi ro để đưa vào, cập nhật trong các chính sách, quy trình quản lý liên quan của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cho rằng thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro tham nhũng để kinh doanh lành mạnh, liêm chính góp phần giảm bớt rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

3. Xây dựng môi trường làm việc minh bạch, liêm chính

Doanh nghiệp B hoạt động trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ cao cho biết ưu tiên hàng đầu của doanh nghiệp là tạo môi trường lao động khuyến khích sự chủ động, sáng tạo của nhân viên. Doanh nghiệp B cho rằng việc thực thi nhất quán chính sách liêm chính của doanh nghiệp giúp người lao động hiểu rõ thông điệp và mong đợi của lãnh đạo công ty về sự chính trực khi thực hiện nhiệm vụ, cảm thấy được động viên, khuyến khích làm việc, cạnh tranh lành mạnh với đồng nghiệp bằng năng lực và sức sáng tạo, được đối xử và đánh giá, thưởng, phạt công bằng.

Doanh nghiệp cho rằng kinh doanh lành mạnh, liêm chính giúp tăng sự chủ động, sáng tạo và năng suất làm việc của nhân viên.

4. Áp dụng các biện pháp PCTN trong kinh doanh để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của đối tác quốc tế

Doanh nghiệp C cung cấp dịch vụ cho nhiều khách hàng quốc tế và trong quá trình đàm phán thường xuyên trải qua quá trình đánh giá năng lực, biện pháp PCTN do khách hàng thực hiện trước khi ký hợp đồng. Khi doanh nghiệp C mua bán sáp nhập một chi nhánh ở một quốc gia phát triển có quy định pháp luật chặt chẽ về PCTN trong doanh nghiệp, họ đã phải đáp ứng các quy định về PCTN trong quá trình đàm phán, chuẩn bị và hoàn tất thủ tục mua chi nhánh tại nước ngoài. Các công ty đa quốc gia thường chịu sự điều chỉnh ngày càng chặt chẽ của pháp luật PCTN của các quốc gia phát triển, trên cơ sở đó họ yêu cầu các đối tác kinh doanh tại Việt Nam phải triển khai biện pháp/chính sách PCTN tương đồng với những biện pháp mà họ đang áp

dụng. Nếu không đáp ứng được những yêu cầu về chính sách/biện pháp PCTN, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ đối mặt với nguy cơ bị từ chối hoặc chấm dứt quan hệ kinh doanh.

Doanh nghiệp cho rằng, kinh doanh lành mạnh, liêm chính giúp doanh nghiệp thâm nhập thị trường quốc tế.

5. Quản lý nguy cơ xung đột lợi ích

22/35 doanh nghiệp có điều khoản về xung đột lợi ích trong hợp đồng lao động với nhân viên và triển khai khá hiệu quả quy định nhân viên phải định kỳ (hàng năm) kê khai với doanh nghiệp những nguy cơ tiềm tàng xung đột giữa lợi ích cá nhân và lợi ích của doanh nghiệp.

Một số ít doanh nghiệp yêu cầu nhân viên phụ trách đấu thầu mua sắm phải công khai nguy cơ xung đột lợi ích trước khi giao nhiệm vụ tham gia dự án hoặc hợp đồng mua sắm có giá trị trên 100 triệu đồng. Một số doanh nghiệp đã ban hành cụ thể Quy trình công khai và giám sát nguy cơ xung đột lợi ích; Thủ tục thông báo bổ sung khi có xung đột lợi ích mới phát sinh; và Mẫu khai báo nguy cơ xung đột lợi ích của người lao động.

Doanh nghiệp cho rằng, phòng ngừa và quản lý nguy cơ xung đột lợi ích giúp doanh nghiệp giảm thiệt hại và tăng hiệu quả kinh doanh.

6. Sử dụng kênh trợ giúp, tiếp nhận thông tin, tố cáo liên quan đến tham nhũng

26/35 doanh nghiệp có kênh tố cáo nội bộ như: đường dây nóng “Hot Line”, email, trang web, hộp thư góp ý, báo cáo trực tiếp giữa người tố cáo và lãnh đạo doanh nghiệp, một số doanh nghiệp tổ chức buổi tiếp xúc ngẫu nhiên hoặc định kỳ giữa lãnh đạo doanh nghiệp và người lao động (gặp mặt đối thoại hoặc ăn trưa giữa lãnh đạo doanh nghiệp và nhân viên) để thu nhận phản hồi từ người lao động. Các doanh nghiệp này cũng cho biết việc thiết kế kênh tố cáo cần phù hợp với nhóm người lao động ở các cấp bậc, trình độ khác nhau trên cơ sở tìm hiểu và xác định được các nhóm lao động khác nhau có nhận thức, quan điểm và cách thức tố cáo khác nhau, như vậy mới khuyến khích người lao động tố cáo sai phạm.

Doanh nghiệp cho rằng, các kênh trợ giúp, tiếp nhận thông tin, tố cáo liên quan đến tham nhũng giúp doanh nghiệp nhanh chóng phát hiện và giải quyết những vấn đề nghiêm trọng liên quan tới tham nhũng để giảm thiểu hậu quả, thiệt hại về tài chính, nhân lực và danh tiếng.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trên cơ sở phân tích các tiêu chuẩn quốc tế và dựa trên khuôn khổ luật pháp trong nước, cùng một số ví dụ được rút ra từ khảo sát thực địa, các kết quả chính của nghiên cứu đã đưa ra một số bằng chứng cho thấy các biện pháp PCTN trong kinh doanh có thể được áp dụng tại Việt Nam. Những bằng chứng đó cũng là động lực cho các doanh nghiệp khác nhận thức được tầm quan trọng và cách thức hành động PCTN để tăng cường hiệu quả kinh doanh hướng tới môi trường kinh doanh lành mạnh cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Để tích cực, chủ động tham gia PCTN, doanh nghiệp cần triển khai đồng bộ các biện pháp ở cả ba cấp độ: trong nội bộ doanh nghiệp, với các đối tác kinh doanh và tham gia các hành động tập thể. Dựa trên các kết quả chính của nghiên cứu, phù hợp với mục đích và phạm vi nghiên cứu, báo cáo này tập trung đưa ra các khuyến nghị cụ thể sau đối với doanh nghiệp:

- **Thứ nhất**, chủ động xây dựng và áp dụng các biện pháp PCTN đã được chuẩn hóa như Bộ tiêu chuẩn ISO 37001, hoặc Các Nguyên tắc Chống Hối lộ trong Kinh doanh.
- **Thứ hai**, đánh giá hồ sơ liên chính của người lao động trong quá trình tuyển dụng, kiểm tra, tham chiếu với nơi làm việc trước đó của người lao động.
- **Thứ ba**, áp dụng và thực thi hiệu quả chính sách kê khai nguy cơ xung đột lợi ích và phòng chống xung đột lợi ích. Điều này sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả kinh doanh, giảm thiểu tham nhũng, lãng phí.
- **Thứ tư**, phòng, chống hối lộ và “lại quả” trong công tác mua sắm đầu vào cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Chính sách trao nhận quà tặng, chiêu đãi, kiểm soát chi phí hoa hồng, chiêu đãi và chi phí công tác cần được công khai, minh bạch, nhất quán cho toàn bộ nhân viên.
- **Thứ năm**, thiết lập và đảm bảo việc vận hành hiệu quả kênh tố cáo hành vi sai phạm, tham nhũng của doanh nghiệp (do doanh nghiệp tự vận hành hoặc thuê công ty dịch vụ độc lập) để tiếp nhận khiếu nại, tố cáo (kể cả ẩn danh) với chính sách, quy trình rõ ràng, dễ hiểu và tin cậy - làm cơ sở cho việc tăng cường giám sát thực thi các chính sách liên chính của doanh nghiệp. Tùy theo điều kiện, doanh nghiệp có thể lựa chọn một đơn vị thứ ba thực hiện điều này để đảm bảo tính khách quan và bảo mật thông tin.
- **Thứ sáu**, đánh giá thẩm định đối tác kinh doanh trước khi quyết định hợp tác kinh doanh. Đưa vào phạm vi rà soát những tiêu chí liên quan tới hành vi tham nhũng, hối lộ trong quá khứ, và năng lực phòng, chống rủi ro tham nhũng của đối tác.
- **Thứ bảy**, ủng hộ và tham gia các hành động tập thể của hiệp hội, câu lạc bộ, nhóm doanh nghiệp, ví dụ như Nhóm công tác về Quản trị và Liêm chính (GIWG) thuộc Diễn đàn Doanh nghiệp Việt nam, sáng kiến Liêm chính trong kinh doanh trong khuôn khổ Đề án 12 của VCCI, Sáng kiến hành động tập thể của các khu công nghệ cao quốc gia (gồm có Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, Khu công nghệ cao Hòa Lạc), để cùng thúc đẩy và chia sẻ các chuẩn mực và thông lệ tốt về liêm

chính trong kinh doanh, bảo vệ những doanh nghiệp là nạn nhân của tham nhũng, tố cáo những doanh nghiệp sử dụng tham nhũng để trục lợi và gây tổn hại tới doanh nghiệp khác.

Tuy nhiên, để tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho doanh nghiệp tham gia PCTN, một khuôn khổ thể chế đầy đủ, chặt chẽ, thống nhất là điều kiện tiên quyết. Điều này đòi hỏi Chính phủ cần tiếp tục cải cách và hoàn thiện pháp luật về PCTN trên cơ sở cân nhắc các văn bản luật chuyên ngành liên quan trực tiếp đến doanh nghiệp như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Hải quan, các luật về thuế...

Đồng thời, Chính phủ cần khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các sáng kiến PCTN trong kinh doanh của doanh nghiệp và hỗ trợ thiết lập cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các sáng kiến này với các bên liên quan như cơ quan thuế, hải quan, cơ quan quản lý chuyên ngành, kiểm toán, các cơ quan đánh giá xếp hạng, nhà đầu tư, các tổ chức xã hội nghề nghiệp và người lao động.

CHƯƠNG 1

THAM NHŨNG TRONG KINH DOANH: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1.1 Tham nhũng trong kinh doanh

Tham nhũng được coi là một hiện tượng phức tạp vì nó được diễn ra dưới nhiều hình thức và phục vụ cho nhiều mục đích khác nhau¹. Theo định nghĩa của TI, một cách khái quát nhất, tham nhũng là “sự lạm dụng quyền lực được giao để phục vụ lợi ích riêng.” Tham nhũng có thể diễn ra bên trong một tổ chức hoặc giữa cá nhân và các tổ chức với nhau². Các hành vi, khuynh hướng bao gồm sự trao đổi không hợp pháp về nguồn lực (tiền, hàng hóa, thời gian, kỹ năng...) cho lợi ích cá nhân hoặc lợi ích nhóm đều được coi là hành vi tham nhũng³.

Tham nhũng được phân loại dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm biểu hiện về hành vi, nơi phát sinh và mức độ:

Về mặt hành vi, tham nhũng trong kinh doanh có thể bao gồm, nhưng không bị giới hạn: hối lộ, tham ô, bao che dung túng hoặc chi phối, gian lận hay biển thủ công quỹ⁴. Hối lộ là hành vi tham nhũng trong kinh doanh thường gặp nhất⁵. Hối lộ thường là sự đáp ứng hay chi trả của cá nhân/doanh nghiệp cho các cơ quan nhà nước để tạo ra ảnh hưởng có lợi về phía mình. Hối lộ còn được biết đến như “tiền bôi trơn” - khoản tiền trả cho cán bộ nhà nước để đẩy nhanh tiến độ xử lý các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp. Các hành vi tham nhũng khác như bao che, dung túng có thể được hiểu là sự thiên vị trong phân chia nguồn lực.

Về mức độ, tham nhũng bao gồm: *Tham nhũng nhỏ (petty corruption)*, *tham nhũng lớn (grand corruption)* và *tham nhũng chính trị*.

- **Tham nhũng nhỏ**: bao gồm những khoản thanh toán nhằm đẩy nhanh quy trình (day-to-day corruption) và tham nhũng trong xử lý hành chính với các khoản hối lộ nhằm mục đích bôi trơn thường xảy ra giữa cá nhân, doanh nghiệp tương tác với cơ quan nhà nước. Tham nhũng trong xử lý hành chính diễn ra khi hành vi hối lộ được sử dụng để “né tránh trực tiếp các quy định pháp luật”⁶. Biểu hiện của tham nhũng trong xử lý hành chính thường là doanh nghiệp hối lộ để xin giấy phép từ cơ quan có thẩm quyền thay vì theo

¹ NORAD, Commissioned. "Nghiên cứu về Tham nhũng_Khảo sát mang tính chính sách", 2000.

² Ashforth, Blake E., Dennis A. Gioia, Sandra L. Robinson, and Linda K. Trevino. "Rà soát tham nhũng về tổ chức", Academy of Management review 33, no. 3, 2008: 670-684.

³ Osuagwu, Linus. " Khái niệm hóa tham nhũng trong các tổ chức kinh doanh" Am. Int. J. Cont. Res 2, no. 5, 2012: 18-25

⁴ Klitgaard, Robert, “Kiểm soát tham nhũng”, University of California Press, 1988.

⁵ Luo, Yadong. " Quan điểm từ góc nhìn của tổ chức về tham nhũng" Management and Organization Review 1, no. 1, 2005: 119-154

⁶ Anechiarico, Frank, and James B. Jacobs. “Theo đuổi liên chính: kiểm soát tham nhũng giúp Chính phủ hoạt động hiệu quả như thế nào”, University of Chicago Press, 1996.

quy trình. Tham nhũng cũng xảy ra trong mối quan hệ giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp khi việc lại quả và thông đồng được thực hiện giữa các nhân viên của doanh nghiệp hoặc với nhân viên của doanh nghiệp khác hoặc giữa các doanh nghiệp với nhau vì mục đích trục lợi.

- **Tham nhũng lớn:** được hiểu là sự lạm dụng quyền lực cấp cao để thu lợi về cho một nhóm và gây ra tổn thất cho nhiều cá nhân và thậm chí cả xã hội⁷. Tham nhũng lớn thường diễn ra trong lĩnh vực quản lý kinh tế nhà nước, với các hiện tượng phổ biến như: tham ô tài sản, lập dự án ma, dự án khổng lồ rút tiền, hối lộ các quan chức cấp cao của bộ máy nhà nước để trúng thầu các dự án lớn, “lại quả” khi ký kết hợp đồng mua sắm tài sản công...⁸
- **Tham nhũng chính trị:** trong bối cảnh của Việt Nam, tham nhũng chính trị được hiểu là dạng tham nhũng được hình thành do sự câu kết giữa những người có ảnh hưởng trong hệ thống chính trị, chủ yếu là những quan chức cấp cao trong bộ máy cầm quyền, nhằm tạo ra những quyết định, hay tìm cách tác động thiên lệch vào những quyết sách của nhà nước có lợi cho một cá nhân, doanh nghiệp hoặc những nhóm lợi ích nào đó. Như vậy, có thể hiểu tham nhũng chính trị là sự lạm dụng quyền lực chính trị được giao để thu lợi riêng, với mục đích tăng quyền hoặc tăng tài sản. Biểu hiện của dạng tham nhũng này là: dùng vị trí chính trị, ảnh hưởng chính trị của mình để can thiệp vào việc có hoặc không đưa ra một quyết định mang tính chính trị (chính sách, đạo luật, thỏa thuận...) một cách thiên vị nhằm mục đích vụ lợi; mua bán, trao đổi các chức vụ chính trị, vị trí có quyền lực, chạy chức, chạy quyền, sau đó dùng vị trí của mình để trục lợi cá nhân...⁹

Về nơi phát sinh, tham nhũng trong kinh doanh có thể được chia thành 2 nhóm:

- **Thứ nhất,** tham nhũng phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của chính doanh nghiệp và trong mối quan hệ giữa các doanh nghiệp với nhau. Trong trường hợp này, chủ thể thực hiện hành vi tham nhũng đều là người có chức vụ, quyền hạn trong doanh nghiệp.
- **Thứ hai,** tham nhũng phát sinh trong mối quan hệ giữa doanh nghiệp với các cơ quan nhà nước. Trong trường hợp này, chủ thể thực hiện hành vi tham nhũng là cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của nhà nước; nhưng cũng có thể là người có chức vụ, quyền hạn trong doanh nghiệp.

⁷ Định nghĩa của Tổ chức Minh bạch quốc tế: http://www.transparency.org/glossary/term/grand_corruption

⁸ Trang thông tin điện tử tổng hợp Ban Nội chính Trung ương, Các dạng tham nhũng phổ biến, ngày 03/06/2013, [<http://noichinh.vn/ho-so-tu-lieu/201306/cac-dang-tham-nhung-pho-bien-291449/>]

⁹ Trang thông tin điện tử tổng hợp Ban Nội chính Trung ương, Các dạng tham nhũng phổ biến, ngày 03/06/2013, [<http://noichinh.vn/ho-so-tu-lieu/201306/cac-dang-tham-nhung-pho-bien-291449/>]

1.2 Tác động của tham nhũng tới doanh nghiệp

Một số “lợi ích” trước mắt của tham nhũng và tác hại lâu dài đối với doanh nghiệp

Tham nhũng có thể mang tới cho doanh nghiệp một số “lợi ích” nhất định như: bôi trơn hệ thống; tiếp cận nguồn thông tin và nguồn lực; và né tránh các nghĩa vụ chi phí. Các lợi ích này vẫn được coi là “đường tắt” cho doanh nghiệp. Ngân hàng Thế giới (1997) nhận định rằng tham nhũng có thể nâng cao hiệu suất kinh tế của cá nhân hay doanh nghiệp nếu nó cho phép doanh nghiệp rút bớt được các thủ tục quá rườm rà hay mức thuế quá cao trong ngắn hạn. Tuy nhiên, trong dài hạn, tác động tiêu cực của tham nhũng là làm suy thoái môi trường kinh doanh, khiến tất cả các doanh nghiệp đều bị thiệt hại do toàn bộ hệ thống không còn hoạt động đúng chức năng, và doanh nghiệp thường không lường trước hết được hậu quả này¹⁰.

Các phân tích dưới đây sẽ giúp đưa ra các so sánh đánh giá khách quan về tác hại lâu dài doanh nghiệp sẽ phải đối mặt với những “lợi ích” mà doanh nghiệp có thể nhận được từ các hành vi tham nhũng trong từng trường hợp. Cụ thể:

- **Bôi trơn hệ thống**

Phần lớn các nghiên cứu chỉ ra ích lợi của việc “bôi trơn” đó là đẩy nhanh quy trình và tiến độ xử lý công việc¹¹. Theo đó, tham nhũng được xem như một công cụ thúc đẩy sự phân bổ hiệu quả khi có sự tranh giành giữa những người đưa hối lộ chứ không phải người hối lộ¹².

Tuy nhiên, các nghiên cứu về lợi ích của tham nhũng nhỏ lẻ chỉ đưa ra những giả định về lợi ích của nó, chứ chưa chứng minh được rằng “bôi trơn” hệ thống đem lại hiệu quả kinh tế¹³. Thay vì bôi trơn hệ thống, tham nhũng còn gây nên tắc nghẽn, làm chậm tiến độ giải quyết công việc¹⁴. Nghiên cứu của Kaufman và Wei (2000) chỉ ra có mối liên hệ giữa hành động hối lộ và thời gian doanh nghiệp nước ngoài phải dành ra để hoàn thành các thủ tục hành chính¹⁵. Doanh nghiệp có thể cho rằng việc hối lộ giúp “bôi trơn”, nghĩa là càng hối lộ nhiều thì hiệu quả giải quyết các thủ tục hành chính càng cao, và như vậy là tiết kiệm nguồn lực của doanh nghiệp. Tuy nhiên, bằng chứng chỉ ra rằng khi cán bộ hành chính nhận ra có khả năng tăng thu nhập qua những hành động tham nhũng nhỏ lẻ, họ có xu hướng đề ra nhiều thủ tục hành chính hơn, đòi hỏi nhiều hơn sự tương tác giữa cán bộ và đại diện doanh nghiệp hoặc gây chậm trễ trong giải quyết những thủ tục mà đáng ra là miễn phí.

Như vậy, mặc dù hối lộ có khả năng đẩy nhanh tiến độ giải quyết thủ tục hành chính, nhưng số lượng quy trình thủ tục sẽ có xu hướng nhiều hơn để tạo điều kiện cho hành vi những nhiều đòi

¹⁰ Ngân hàng thế giới, “Hỗ trợ các quốc gia chống tham nhũng: Vai trò của Ngân hàng thế giới”, 1997.

¹¹ Bardhan, Pranab. "Tham nhũng và sự phát triển: xem xét các vấn đề." . " Tạp chí nghiên cứu kinh tế 35, 1997: 1320-1346.

¹² Bardhan, 1997.

¹³ Jain, Arvind K. "Tham nhũng: Rà soát", Tạp chí khảo sát kinh tế 15, số. 1 (2001): 71-121.

¹⁴ Ades, Alberto, và Rafael Di Tella. "Khía cạnh kinh tế học mới của tham nhũng: khảo sát và một số kết quả mới" Political Studies 45, no. 3, 1997: 496-515.

¹⁵ Kaufmann, Daniel, và Shang-Jin Wei. “Liệu “Tiền bôi trơn” có thúc đẩy thương mại?” Số. w7093. Cục nghiên cứu kinh tế quốc gia, 1999.

hồi hối lộ; vì vậy chi phí cho việc “bôi trơn” chỉ giúp giải quyết vấn đề trước mắt nhưng sẽ đồng thời tạo thêm cơ hội tham nhũng và tăng nguy cơ doanh nghiệp bị tiếp tục những nhiễu ngày càng nhiều. Thêm nữa, các khoản hối lộ nhỏ sẽ thường ngày càng lớn dần thêm và tạo ra các méo mó khác trong nền kinh tế do người nhận hối lộ cố gắng tạo ra nhằm giữ vị trí đặc quyền của mình¹⁶.

▪ Tiếp cận nguồn lực, thông tin và cơ hội

Một lợi ích khác thường được đề cập là quyền tiếp cận nguồn lực, thông tin và cơ hội. Tham nhũng thường xảy ra khi các cơ quan nhà nước là người mua hoặc bán các dịch vụ, phân phát trợ cấp hay mở thầu vì họ có thông tin độc quyền¹⁷. Điều này tạo cơ hội cho tham nhũng phát triển. Lợi ích của việc các doanh nghiệp thỏa hiệp với tham nhũng là được đưa vào trong danh sách nhà thầu; hối lộ để nhận chứng nhận về chất lượng hoặc để được chọn là nhà thầu chính. Ngoài ra, doanh nghiệp còn có thể biến thủ, rút ruột công trình để trục lợi.

Hậu quả của tham nhũng trong trường hợp này là doanh nghiệp có năng lực sẽ không được xem xét hoặc lựa chọn. Tham nhũng sẽ thiên vị doanh nghiệp có mối quan hệ, đưa hối lộ, có giải pháp đem lại các cơ hội trục lợi chứ không phải những doanh nghiệp minh bạch với giải pháp hiệu quả cao. Chính vì vậy, tham nhũng sẽ tạo ra rào cản cạnh tranh đối với những doanh nghiệp trong sạch, có năng lực, đặc biệt ở những quốc gia nơi tham nhũng diễn ra nghiêm trọng.

▪ Né tránh các nghĩa vụ chi phí

Doanh nghiệp còn có hành vi tham nhũng để tránh phải trả các chi phí như thuế hoặc các chi phí hành chính. Hải quan tham gia vào hành vi tham nhũng do họ cung cấp những thứ doanh nghiệp cần (giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu...). Việc hối lộ có thể giúp giảm thuế cho doanh nghiệp hoặc đẩy nhanh thủ tục lấy giấy tờ cần thiết. Mặc dù tham nhũng đem lại lợi ích cục bộ cho doanh nghiệp, việc chấp nhận tham nhũng dẫn đến bất bình đẳng và thiếu hiệu quả của cả nền kinh tế¹⁸. Các nghiên cứu của Pritchett và Sethi (1994) chỉ ra rằng số loại thuế càng nhiều và mức thuế càng cao thì tham nhũng diễn ra càng nhiều¹⁹.

Như vậy, mặc dù tham nhũng có thể đem đến những lợi ích trước mắt cho một số doanh nghiệp đơn lẻ nhưng về lâu dài sẽ gây tổn hại đến năng lực nội tại làm doanh nghiệp không thể đạt được lợi thế cạnh tranh và phát triển bền vững.

Chi phí và thiệt hại tham nhũng gây ra cho doanh nghiệp

Đối với doanh nghiệp, vấn đề tham nhũng được nhìn nhận giống như một loại thuế hoặc chi phí. Tuy nhiên, khác với việc trả thuế, doanh nghiệp phải chịu chi phí giao dịch cao hơn do hối lộ nhưng vẫn phải gánh chịu các rủi ro và phải giữ kín về hành động tham nhũng cũng như mất

¹⁶ Kurer, Oskar. "Chủ nghĩa khách hàng, tham nhũng và sự phân phối nguồn lực" Public Choice 77, số. 2 (1993): 259-273.

¹⁷ Rose-Ackerman, Susan. "Khía cạnh kinh tế chính trị của tham nhũng." Tham nhũng và Kinh tế toàn cầu 31, 1997: 60

¹⁸ Như trên

¹⁹ Pritchett, Lant, và Geeta Sethi. "Thuế suất, nguồn thu từ thuế, và cải cách thuế" Ngân hàng Thế giới: Toàn cảnh kinh tế 8, số. 1, 1994: 1-16.

quyền tự quyết khi đã phụ thuộc vào các bên tham gia tham nhũng²⁰. Từ góc nhìn kinh tế, trong thời gian ngắn, tham nhũng có thể giảm các chi phí giao dịch do doanh nghiệp được hưởng các đặc quyền thể chế hoặc ít phải chịu những rào cản pháp lý²¹. Tuy nhiên, trong dài hạn, tác động tiêu cực của tham nhũng với doanh nghiệp có thể còn lớn hơn lợi ích doanh nghiệp nhận được từ một giao dịch nhất định²².

Theo ước tính của Diễn đàn Kinh tế Thế giới, số tiền chi cho tham nhũng tương đương hơn 5% GDP trên toàn thế giới (khoảng US\$ 2.6 nghìn tỷ)²³; trong đó, trên US\$ 1.000 tỷ chi cho việc hối lộ hàng năm²⁴. Tại Việt Nam, theo báo cáo tại Hội nghị toàn quốc Tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng chống Tham nhũng (PCTN), 2006 – 2015, thiệt hại kinh tế do các vụ án, vụ việc tham nhũng được phát hiện trong gần 10 năm là gần 60.000 tỷ đồng và trên 400ha đất²⁵. Theo báo cáo Chi phí của tham nhũng tại Việt Nam, dưới góc độ vĩ mô, cấp tỉnh và vi mô được thực hiện năm 2014 do Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Depocen²⁶, tham nhũng được chứng minh có tác động tiêu cực tới tăng trưởng kinh tế. Một phần, tham nhũng làm giảm đầu ra của các dự án công và gián tiếp ảnh hưởng tới các thành phần của nền kinh tế. Nghiên cứu chỉ ra tác động gián tiếp của tham nhũng tới tăng trưởng qua tác động từng phần lên các yếu tố như đầu tư, vốn con người, ổn định chính trị...

Thêm nữa, tham nhũng cũng có những ảnh hưởng nhất định lên mức tăng trưởng của doanh nghiệp. Các nghiên cứu xác định rằng doanh nghiệp có hành vi tham nhũng phải gánh các chi phí quản lý vốn, tài nguyên²⁷. Nghiên cứu này xác định rằng chi phí của hành vi hối lộ ở Singapore và Mexico tương đương với việc phải chịu thuế hơn 20%.

Ngoài chi phí là tiền, doanh nghiệp còn chịu thiệt hại phi vật chất khác, bao gồm: rủi ro cho sự phát triển dài hạn; cản trở chiến lược; bất lợi cạnh tranh và tạo sự thiếu hụt trong tổ chức²⁸. Cụ thể:

Tham nhũng gây cản trở chiến lược thể hiện qua sự phân bổ không hiệu quả của các nguồn lực. Việc phân bổ nguồn lực còn quan trọng hơn chính nguồn lực; vì kỹ năng phân bổ nguồn lực hiệu quả tạo nên lợi thế so sánh động (lợi thế tiềm năng) cho doanh nghiệp trong khi việc có nguồn

²⁰ Shleifer, Andrei, và Lawrence H. Summers. "Tập chí kinh tế hàng quý." Tạp chí kinh tế nông nghiệp, 1990.

²¹ Bunker, Stephen, và Lawrence Cohen. "Hợp tác và cạnh tranh trong hai dự án: Hướng tới một học thuyết chung về tham nhũng" Tổ chức Con người 42, số. 2 (1983): 106-114.

²² Luo, Yadong. "Quan điểm từ góc nhìn của tổ chức về tham nhũng" Nghiên cứu quản lý và tổ chức 1, số. 1, 2005: 119-154.

²³ Diễn đàn Kinh tế thế giới, "Chỉ số cạnh tranh toàn cầu 2016–2017", 2016

²⁴ Ngân hàng thế giới, "Doing business 2017 – Cơ hội bình đẳng cho tất cả", 2016

²⁵ Tổ chức Hướng tới Minh bạch: Sổ Tay Phòng Chống TN cho công dân, https://towardstransparency.vn/wp-content/uploads/2016/12/Alac_So-tay_spreads.pdf

²⁶ VCCI, Depocen, Tổ chức nghiên cứu T&C, "Chi phí tham nhũng ở Việt Nam từ góc nhìn vĩ mô, cấp tỉnh và các doanh nghiệp", Báo cáo tái bản (2014)

²⁷ Wei, Shang-Jin. "Vì sao tham nhũng nhưc nhối hơn thuế? Sự tùy ý" số. w6255. Cục nghiên cứu kinh tế quốc gia, 1997.

²⁸ Luo, Yadong. "Quan điểm từ góc nhìn của tổ chức về tham nhũng" Nghiên cứu quản lý và tổ chức 1, số. 1, 2005: 119-154.

lực hay không chỉ tạo nên lợi thế so sánh tĩnh (Lợi thế hiện tại, đã phát huy)²⁹. Hành vi tham nhũng của doanh nghiệp sẽ triệt tiêu động lực doanh nghiệp tìm kiếm lợi thế so sánh động vì cho rằng hành vi hối lộ có thể thay thế cho việc sáng tạo và đổi mới công nghệ hay kỹ năng³⁰. Doanh nghiệp có thể cho rằng hối lộ sẽ giúp doanh nghiệp có các đặc quyền tiếp cận với nguồn lực hoặc dự án nhanh hơn; tuy vậy, tác phong trì trệ, dựa dẫm, dẫn đến sức ì lớn và càng ít động lực phát triển hơn. Thêm nữa, hành vi hối lộ cổ súy tư duy ỷ lại vào cách thức bất chính để giải quyết công việc thay vì tập trung vào chất lượng, sáng tạo, năng suất và hiệu quả công việc. Vì thế, hối lộ làm giảm tốc độ tăng năng suất lao động của doanh nghiệp³¹.

Dưới góc độ lợi thế cạnh tranh, tham nhũng gây trở ngại cho doanh nghiệp do mất đi sự tín nhiệm. Báo cáo “Chi phí của tham nhũng tại Việt Nam dưới góc độ vĩ mô, cấp tỉnh và vi mô”³² chỉ ra rằng tham nhũng ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định của doanh nghiệp về dài hạn, dẫn đến sự chậm phát triển của khối doanh nghiệp tư nhân và nền kinh tế nói chung³³. Lợi thế cạnh tranh, ngoài danh tiếng ra, còn bao gồm: đạo đức của nhân viên, các mối quan hệ kinh doanh và các mối quan hệ pháp lý³⁴. Theo đó, hành vi tham nhũng của doanh nghiệp khi bị phát hiện sẽ có tác động tiêu cực tới đạo đức nhân viên do nhân viên mất niềm tin vào doanh nghiệp và ảnh hưởng đến năng suất lao động. Theo báo cáo, khi doanh nghiệp tham nhũng, doanh nghiệp đó sẽ ít đổi mới hơn những doanh nghiệp liêm chính. Cụ thể, doanh nghiệp tham nhũng sẽ ít có sự cải thiện về sản phẩm hơn so với doanh nghiệp liêm chính 6,2%. Tương tự, việc doanh nghiệp tham nhũng đưa ra sản phẩm mới hoặc quy trình mới ít thường xuyên hơn doanh nghiệp liêm chính là 8,7%. Một chi phí tiềm tàng mà doanh nghiệp phải gánh chịu là mất đi những ứng viên tiềm năng. Đồng thời, khách hàng và đối tác cũng có khuynh hướng tránh xa các công ty bị phát hiện dính líu tới tham nhũng³⁵.

Dưới góc độ tổ chức, doanh nghiệp có hành vi tham nhũng khó có thể duy trì quản lý hiệu quả, minh bạch thông tin và sự hợp tác hiệu quả giữa các bộ phận trong một tổ chức hoặc giữa các tổ chức khác nhau³⁶.

1.3 Chống tham nhũng trong kinh doanh

Sự ra đời của Công ước về chống hối lộ công chức nước ngoài trong các giao dịch kinh doanh quốc tế (OECD 1997) đã tạo áp lực buộc doanh nghiệp phải triển khai phát triển hệ thống quản

²⁹ Barney, Jay. "Nguồn lực chắc chắn và lợi thế cạnh tranh bền vững" Tạp chí quản lý 17, số 1 (1991): 99-120.

³⁰ Luo, Yadong. "Quan điểm từ góc nhìn của tổ chức về tham nhũng" Nghiên cứu quản lý và tổ chức 1, số 1, 2005: 119-154.

³¹ Ngân hàng thế giới, “Báo cáo năm 2010: Nhìn lại 1 năm”, 2010

³² VCCI, Depocen, T&C Consulting, “Chi phí tham nhũng ở Việt Nam từ góc nhìn vĩ mô, cấp tỉnh và các doanh nghiệp”, Edited Report (2014)

³³ Như trên.

³⁴ Serafeim, George. "Cạnh tranh lành mạnh và phát hiện hối lộ", 2013.

³⁵ Pwc, “Chống tham nhũng: Ví dụ về chương trình Phòng, chống tham nhũng hiệu quả”, 2008

³⁶ Luo, Yadong. "Quan điểm từ góc nhìn của tổ chức về tham nhũng" Nghiên cứu quản lý và tổ chức 1, số 1, 2005: 119-154.

lý minh bạch nhằm phản ánh văn hóa của doanh nghiệp và văn hóa chống tham nhũng của quốc gia nơi doanh nghiệp có chi nhánh³⁷.

Ba trong số các phương pháp tiếp cận chống tham nhũng trong kinh doanh bao gồm: (i) can thiệp, (ii) quản lý và (iii) minh bạch tổ chức³⁸.

- *Theo phương pháp Can thiệp (interventionism)*, việc xử lý hành vi tham nhũng diễn ra sau khi nó xảy ra. Phương pháp này có tính răn đe cao, nhưng khi áp dụng trong doanh nghiệp, tổ chức lại gặp phải những nút thắt như: không thể phục hồi thiệt hại đã gây ra; không thể kiểm soát hết trường hợp tham nhũng; nguồn lực có hạn mất đi sau quá trình can thiệp... Vì vậy, nếu chỉ dừng lại ở mức can thiệp thì không hoàn toàn kiểm soát được tham nhũng.
- *Phương pháp Quản lý (managerialism)* ngăn ngừa hành vi tham nhũng thông qua việc thiết lập hệ thống, quy trình hay kiểm soát hay bộ quy tắc ứng xử. Phương pháp này ủng hộ phòng ngừa, giảm thiểu và xóa dần các cơ hội có thể gây ra tham nhũng, thông qua các biện pháp như: quy định nhân viên không được đưa và nhận hối lộ, kiểm tra các hóa đơn chi tiêu, quản lý nguy cơ xung đột giữa lợi ích cá nhân và lợi ích của doanh nghiệp. Tuy nhiên, điểm yếu của phương pháp quản lý là: việc doanh nghiệp đưa ra quy định, chính sách chống tham nhũng không đồng nghĩa với việc nhân viên sẽ tuân thủ các quy tắc đó. Ví dụ: Quy định của công ty nêu rõ quà cho đối tác là cán bộ nhà nước không được quá 50 USD. Có nhóm sẽ tuân thủ và thực hiện theo quy định; nhóm muốn hối lộ nhiều hơn ở mức 100 USD sẽ đăng ký tặng quà cho hai cán bộ nhưng thực ra chỉ tặng một; và nhóm thứ ba không tặng quà nhưng vẫn đăng ký và giữ phần quà đó cho riêng mình. Các nghiên cứu cho rằng, tác động của phương pháp Quản lý khá rời rạc và không thể ngăn ngừa triệt để các hành vi tham nhũng mà ngược lại còn tạo môi trường cho tham nhũng xảy ra nhiều hơn³⁹.
- *Liên chính tổ chức (organizational integrity)* bao gồm những biện pháp giảm thiểu tối đa tham nhũng. Phương pháp này tích hợp hệ thống vận hành của doanh nghiệp, chiến lược kiểm soát tham nhũng và tiêu chuẩn đạo đức. Nói cách khác, phương pháp này thiết lập chuẩn mực hướng tới bài trừ tham nhũng trong doanh nghiệp. Phương pháp liên chính tổ chức xem xét tham nhũng ở phạm vi tổ chức chứ không phải tham nhũng của từng cá nhân. Tùy vào từng doanh nghiệp, tiêu chuẩn đạo đức và chiến lược kiểm soát khác nhau sẽ dẫn đến những hành động chống tham nhũng riêng phù hợp với tầm nhìn và giá trị cốt lõi của doanh nghiệp mình.

³⁷ Phát triển. Nhóm làm việc chống Hối lộ trong các giao dịch kinh tế quốc tế. Giám đốc Tài chính, Tài chính, Doanh nghiệp, Phát triển. Ủy ban Đầu tư Quốc tế, và các Doanh nghiệp đa quốc gia. Công ước về Chống hối lộ của các công chức nước ngoài trong các giao dịch kinh doanh quốc tế: và các văn bản liên quan. số. 21. OECD, 1998

³⁸ ³⁸ McCusker, Rob. "Rà soát các chiến lược phòng, chống tham nhũng" (2006).

³⁹ Larmour, Peter, và Nick Wolanin, "Tham nhũng và chống tham nhũng". ANU Press, 2013.

Trong số các biện pháp chống tham nhũng trong kinh doanh, TI cho rằng minh bạch trong kinh doanh thông qua việc áp dụng các tiêu chuẩn và hành động hướng tới phòng ngừa tham nhũng⁴⁰ là phương pháp tiếp cận toàn diện.

Theo đó, danh nghiệp có “tính minh bạch cao” thì bộ máy doanh nghiệp từ quản lý cấp cao, quản lý và nhân viên đều tuân thủ theo tiêu chuẩn đạo đức toàn cầu; phù hợp với luật pháp và quy định cũng như phát huy trách nhiệm, đẩy mạnh giá trị cốt lõi của doanh nghiệp (ví dụ: sự trung thực, trách nhiệm, tin cậy,...). Ba trụ cột thúc đẩy minh bạch trong kinh doanh bao gồm: (i) lãnh đạo có đạo đức, (ii) hệ thống phòng, chống tham nhũng và (iii) hoạt động giám sát trong quản lý. Tuy nhiên, thiết lập ba trụ cột trên là chưa đủ, cần có các hình thức phòng ngừa thứ cấp để chống tham nhũng, bao gồm: thưởng-phạt, kiểm tra và đánh giá thường xuyên.

Việc xây dựng quy chuẩn, biện pháp chống tham nhũng trong doanh nghiệp là sự kết hợp của 4 yếu tố⁴¹:

- ***Quy tắc và văn hóa doanh nghiệp (ví dụ như quy tắc ứng xử, đạo đức...):*** Doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn đạo đức trong kinh doanh, ràng buộc doanh nghiệp và nhân viên doanh nghiệp với nguyên tắc và hành động chung. Tuy nhiên, sự tự giác trong việc hình thành quy tắc trong doanh nghiệp và mức độ hiệu quả của việc thực thi các quy tắc này vẫn là một câu hỏi lớn. Việc thiết lập bộ quy tắc ứng xử hay văn hóa doanh nghiệp nói không với tham nhũng cần được cụ thể hóa bằng hành động và đánh giá hiệu quả thường xuyên.
- ***Quản trị hệ thống:*** bao gồm các chính sách, quy trình nội bộ và cơ chế kiểm soát nhằm ngăn chặn quản lý hoặc nhân viên sử dụng nguồn lực công ty cho mục đích cá nhân, hoặc thực hiện các giao dịch kinh doanh trái pháp luật. Cán bộ cấp cao nên là người dẫn đầu trong việc làm gương, khuyến khích minh bạch và bảo vệ người tố cáo
- ***Quy định pháp luật:*** Chính sách của nhà nước về chống tham nhũng và lạm dụng nguồn lực công cũng là yếu tố thúc đẩy minh bạch trong kinh doanh. Tuy nhiên, hiệu quả của việc thực thi các quy định pháp luật đến đâu còn phụ thuộc vào tình hình thực tế của mỗi quốc gia.
- ***Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp PCTN trong doanh nghiệp:*** có thể được tiến hành bởi nhiều bên như kiểm toán, nhà đầu tư, báo chí truyền thông hoặc các tổ chức xã hội dân sự. Sự tham gia của mỗi bên liên quan trong việc giám sát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sẽ góp phần thúc đẩy minh bạch.

Việc áp dụng phương pháp phòng, chống tham nhũng nào còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố, một trong số đó là quy mô doanh nghiệp. Với doanh nghiệp vừa và nhỏ, phương pháp Can thiệp có thể bảo vệ được quyền lợi của doanh nghiệp và phòng ngừa, trừng phạt hành vi tham nhũng hiệu quả do việc giám sát, kiểm tra và kiểm soát sai phạm và tối thiểu hóa tác động tiêu cực có thể

⁴⁰ Tổ chức Minh bạch Quốc tế, “Báo cáo tham nhũng toàn cầu 2009: Tham nhũng và khu vực tư”, (Cambridge: Nhà xuất bản đại học Cambridge, 2009).

⁴¹ Larmour, Peter, và Nick Wolanin, “Tham nhũng và chống tham nhũng”. ANU Press, 2013.

được thực hiện toàn diện và hiệu quả⁴². Ở những doanh nghiệp lớn hay doanh nghiệp đa quốc gia (MNC), chủ doanh nghiệp gần như không thể thực hiện việc kiểm soát hành vi tham nhũng. Đối với những doanh nghiệp này, phương pháp Liêm chính tổ chức giúp giảm thiểu tối đa khả năng xảy ra tham nhũng là khả thi hơn. Tuy nhiên, sự kết hợp phù hợp giữa các phương pháp phòng ngừa tham nhũng cũng cần được xem xét và đánh giá thường xuyên.

1.4. Lợi ích của phòng, chống tham nhũng với doanh nghiệp

Theo TI (2016), doanh nghiệp hưởng lợi khi họ áp dụng biện pháp phòng, chống tham nhũng và thúc đẩy minh bạch trong kinh doanh⁴³. Những hành động như cam kết chống tham nhũng, có chính sách quy trình phòng ngừa, và quy định xử lý cụ thể cho từng trường hợp tham nhũng... cho thấy doanh nghiệp có trách nhiệm và quan tâm đến sự phát triển bền vững không chỉ của riêng doanh nghiệp mà còn của cả nền kinh tế. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng doanh nghiệp áp dụng những biện pháp này thu được lợi nhuận cao hơn so với những doanh nghiệp không tham gia vào hành động chống tham nhũng⁴⁴.

Áp dụng các biện pháp phòng, chống tham nhũng đem lại lợi ích kinh tế dài hạn cho doanh nghiệp nhờ bảo vệ, nâng cao uy tín thu hút được khách hàng và nguồn nhân lực tài năng.

Theo khảo sát của KPMG thực hiện vào năm 2014, 75% số người tham gia khảo sát cho rằng doanh nghiệp có áp dụng biện pháp phòng, chống tham nhũng đem lại tác động tích cực trong việc thiết lập niềm tin giữa doanh nghiệp và khách hàng. Ngoài ra, minh bạch trong kinh doanh giúp động viên nhân viên, tăng năng suất và sự hài lòng ở nơi công sở⁴⁵. Một cuộc khảo sát của Ernst and Young năm 2015 ở Châu Á và Thái Bình Dương cho thấy rằng "gần 80% những người được khảo sát nói rằng họ không muốn làm việc cho các tổ chức có liên quan đến hối lộ và tham nhũng"⁴⁶.

Doanh nghiệp nên phối hợp các biện pháp phòng, chống tham nhũng và minh bạch trong kinh doanh với kế hoạch phát triển doanh nghiệp bền vững. Việc làm này giúp doanh nghiệp thu hút khách hàng, nguồn nhân lực, nhà đầu tư - những đối tác quan tâm đến rủi ro và coi trọng giá trị đạo đức. Theo TI (2009), các biện pháp chống tham nhũng càng rõ ràng thì lợi ích đem lại cho doanh nghiệp càng lớn; bao gồm (i) giảm thiểu rủi ro, (ii) tiết kiệm chi phí và (iii) lợi ích kinh tế⁴⁷.

⁴² nt.

⁴³ Tổ chức Minh bạch Quốc tế, "Chung tay chống tham nhũng: Chiến lược đến năm 2020", 2015

⁴⁴ Eccles, Robert G., Ioannis Ioannou, và George Serafeim. "Tác động của sự bền vững của doanh nghiệp đối với hoạt động và các quy trình tổ chức." *Quản lý khoa học* 60, số 11 (2014): 2835-2857

⁴⁵ KPMG Canada và Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu, 'Điểm nổi bật về minh bạch doanh nghiệp: góc nhìn từ GLOBE 2014' (Edmonton: KPMG Canada, 2014).

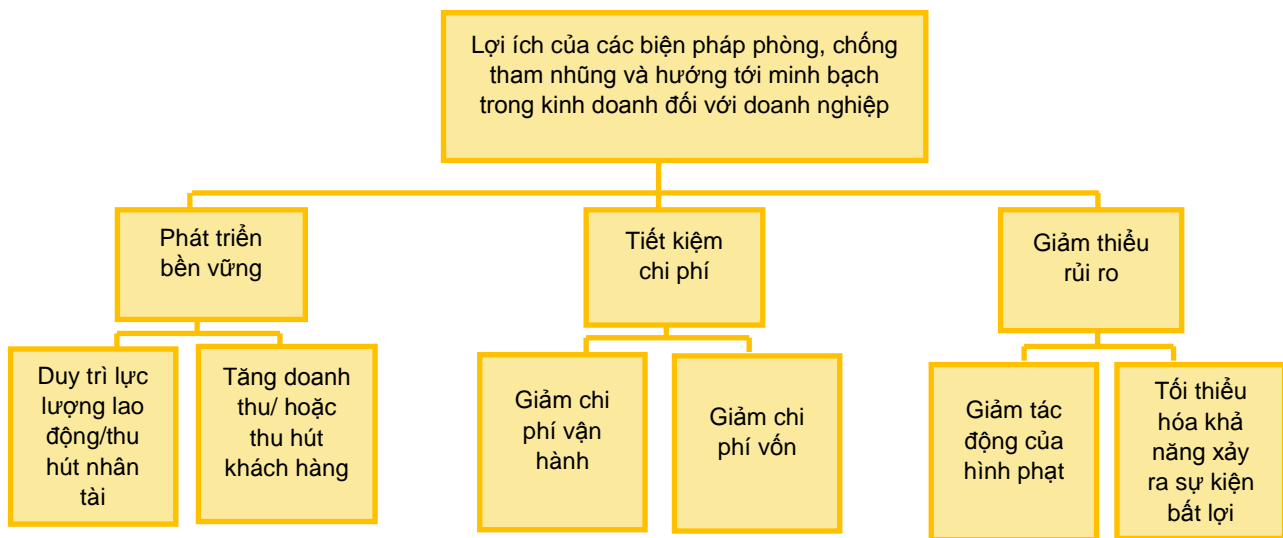
⁴⁶ Ernst và Young, "Lừa đảo và tham nhũng: loại bỏ tài năng_Khảo sát về gian lận, lừa đảo khu vực châu Á-Thái Bình Dương 2015" (Hong Kong: Ernst và Young, 2015)

⁴⁷ Tổ chức Minh bạch Quốc tế, "Xây dựng hệ thống liêm chính doanh nghiệp để xử lý nguy cơ tham nhũng", 2009. http://transparency.ee/cm/files/lisad/policyposition_corp_integrity_4_sept_2009.pdf

Biện pháp chống tham nhũng giúp giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp thông qua việc giảm thiểu tối đa khả năng xảy ra những sự kiện bất lợi. TI cho rằng việc áp dụng phòng, chống tham nhũng và chỉ dẫn đạo đức trong doanh nghiệp góp phần giảm thiểu tới 50% các hành vi tham nhũng và tăng cơ hội kinh doanh so với việc không áp dụng. Các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng có mối quan hệ trực tiếp giữa minh bạch trong kinh doanh và sự sụt giảm về số lượng hành vi tham nhũng⁴⁸. Ngoài ra, doanh nghiệp còn giảm được chi phí do tham nhũng đem lại như mất hợp đồng, kiện tụng pháp lý, chịu phạt. Doanh nghiệp sẽ không phải tốn nguồn lực như thời gian và công sức để điều tra và khắc phục các tác động tiêu cực của hành vi tham nhũng.

Chống tham nhũng giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí qua hai kênh chính: Giảm chi phí vốn và Giảm chi phí vận hành. Các nghiên cứu chỉ ra rằng, thị trường đề cao doanh nghiệp minh bạch về thông tin với nhà đầu tư và khách hàng. Việc chống tham nhũng giúp doanh nghiệp nâng cao uy tín và giúp doanh nghiệp tiếp cận với nguồn lực, thông tin ... một cách dễ dàng hơn⁴⁹. Hình 1.1 tổng kết những lợi ích của việc chống tham nhũng đối với doanh nghiệp.

Hình 1. 1. Lợi ích của các biện pháp phòng, chống tham nhũng với doanh nghiệp



Nguồn: Tổ chức Minh bạch Quốc tế (2009)

Tác động của các biện pháp chống tham nhũng còn giúp doanh nghiệp hạ chi phí vận hành thông qua việc tăng hiệu suất bộ máy bên trong doanh nghiệp, giảm phụ thuộc và tăng mức độ tiếp cận với các ưu đãi như sau:

⁴⁸ nt

⁴⁹ DeBoskey, David Gregory, và Peter R. Gillett. "Tác động của việc thực hiện công khai, minh bạch doanh nghiệp ở nhiều cấp độ với doanh nghiệp" Xếp hạng tín dụng và chi phí vốn", Đánh giá Tài chính Định lượng và Kế toán 40, số 1, 2013: 101-134.

- *Tăng hiệu suất bộ máy bên trong doanh nghiệp:* Các biện pháp chống tham nhũng phát hiện điểm yếu trong bộ máy và khắc phục nó; giúp doanh nghiệp giảm thiểu nguồn lực có thể bị mất.
- *Giảm phụ thuộc:* Cam kết phòng, chống tham nhũng và thúc đẩy minh bạch trong kinh doanh giảm thiểu rủi ro doanh nghiệp bị phụ thuộc vào những yêu sách, đòi hỏi dẫn đến hành vi tham nhũng và thay vào đó tìm hiểu những cơ hội kinh doanh sòng phẳng, minh bạch.
- *Tiếp cận với ưu đãi:* Doanh nghiệp hay nhà cung cấp áp dụng những biện pháp phòng, chống tham nhũng có cơ hội tiếp cận với ưu đãi như giảm chi phí thu mua, được tạo điều kiện thanh toán thuận lợi, dễ dàng huy động vốn, các điều khoản tín dụng tốt hơn... do thiết lập được uy tín với các đối tác kinh doanh.

CHƯƠNG 2

KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ VÀ CƠ CHẾ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG KINH DOANH

2.1 Khung pháp lý và quy ước quốc tế

Các quốc gia phát triển và các tổ chức quốc tế đã đưa ra khuôn khổ hợp tác về phòng, chống tham nhũng, bao gồm: Công ước của Liên hợp quốc về Chống Tham nhũng (United Nations Convention against Corruption - UNCAC 2005), Công ước OECD về chống hối lộ quan chức nước ngoài (OECD Convention on Combating Bribery of Foreign Public Officials -1997), Bộ quy tắc ứng xử của doanh nghiệp về phòng, chống tham nhũng (Asia-Pacific Economic Cooperation (APEC) Anti-Corruption Code of Conduct for Business - 2007).

Pháp luật về phòng chống tham nhũng của các nước phát triển cũng được thực thi mạnh mẽ tại nước sở tại và các quốc gia có quan hệ chính trị, hợp tác kinh tế như luật của Anh Quốc về Chống hối lộ (UK Bribery Act, 2010) và Đạo luật Chống tham nhũng tại nước ngoài của Mỹ (US FCPA, 1997) có hiệu lực xuyên biên giới vươn tới những quốc gia mà công dân, doanh nghiệp của những nước này sinh sống, làm việc, hoạt động kinh doanh trong đó có Việt nam.

Tuy nhiên phòng, chống tham nhũng chỉ từ phía chính phủ và các cơ quan thực thi pháp luật là chưa đủ. Khu vực tư nhân, cụ thể là các doanh nghiệp được coi là một bên có nguy cơ tham nhũng tiềm tàng (cả đưa và nhận hối lộ) sẽ bảo vệ được uy tín, danh tiếng và hiệu quả hoạt động kinh doanh của mình bằng việc áp dụng triển khai các giải pháp quản trị rủi ro tham nhũng (Stevulak and Campbell, 2008). Càng có nhiều doanh nghiệp hành động, môi trường kinh doanh sẽ ngày càng được cải thiện, trở nên minh bạch, lành mạnh và ổn định hơn để các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả có thể cạnh tranh và phát triển bền vững.

Hai chuẩn mực quốc tế về phòng chống hối lộ, tham nhũng trong kinh doanh được tham chiếu chủ yếu trong nghiên cứu bao gồm:

Nguyên tắc chống hối lộ trong kinh doanh của Tổ chức Minh bạch Quốc tế - Transparency International's (TI) Business Principles for Countering Bribery (2003, 2009, 2012). Bộ nguyên tắc này do TI và một số doanh nghiệp hàng đầu trên thế giới đưa ra với mục đích hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng cho mình giải pháp đồng bộ và hiệu quả để phòng chống hối lộ (hình thức tham nhũng phổ biến) trong kinh doanh.

- *Hai nguyên tắc chống hối lộ trong kinh doanh là:* (i) Doanh nghiệp sẽ ngăn chặn hối lộ dưới bất kỳ hình thức nào, trực tiếp hoặc gián tiếp; (ii) Doanh nghiệp sẽ cam kết thực hiện một chương trình chống hối lộ.
- *Chương trình chống hối lộ tối thiểu cần bao trùm các lĩnh vực:* Ủng hộ chính trị, Đóng góp từ thiện và tài trợ, Các khoản “bôi trơn”, Quà tặng, tiếp khách và các chi phí khác.

Bộ nguyên tắc cũng nêu ra các yêu cầu tối thiểu đối với doanh nghiệp khi thực hiện chương trình phòng chống hối lộ, gồm các yêu cầu về Tổ chức và trách nhiệm, Các quan hệ kinh doanh (bao gồm Các chi nhánh công ty và các đối tượng khác, Liên doanh, liên kết, Đại lý và những người trung gian, Các nhà thầu và nhà cung cấp), Nguồn nhân lực, Đào tạo, Các kênh để nêu quan ngại và yêu cầu được hướng dẫn, Kênh thông tin, Kiểm soát nội bộ và lưu giữ sổ sách; Theo dõi, đánh giá; Kiểm tra và bảo đảm từ bên ngoài.

Như vậy Bộ nguyên tắc này đưa ra các biện pháp PCTN ở 3 cấp độ: *trong nội bộ doanh nghiệp, trong quan hệ với các đối tác kinh doanh, tham gia các hành động tập thể.*

Hướng dẫn báo cáo chương trình phòng chống tham nhũng của doanh nghiệp theo nguyên tắc số 10 của Hiệp ước Toàn cầu của Liên Hợp Quốc (Reporting Guidance on the 10th Principle against corruption)

- ***Hiệp ước toàn cầu của Liên hợp quốc – United Nation Global Compact (UNGC)*** là sáng kiến lớn nhất về phát triển bền vững của doanh nghiệp với bộ tiêu chuẩn về lao động, môi trường và phòng, chống tham nhũng). Nguyên tắc số 10 của UNGC – Doanh nghiệp nên phòng chống mọi hình thức tham nhũng bao gồm cả hối lộ và tống tiền. Doanh nghiệp có thể ký kết tham gia UNGC và tuyên truyền vận động cho các nguyên tắc của UNGC. Doanh nghiệp cũng cần báo cáo trên website của UNGC về việc triển khai thực hiện những nguyên tắc này.
- ***Hướng dẫn báo cáo*** này được xây dựng với sự tham gia của TI, các chuyên gia chống tham nhũng và doanh nghiệp hàng đầu nhằm giúp doanh nghiệp xác định các ưu tiên báo cáo về chương trình phòng, chống tham nhũng của doanh nghiệp đóng góp vào cải thiện hiệu suất và tăng cường trách nhiệm giải trình và tính minh bạch của doanh nghiệp. Hướng dẫn đưa ra 22 nội dung báo cáo về chương trình PCTN, được chia thành 3 nhóm chính gồm: cam kết và chính sách, thực thi, và giám sát; trong đó có xác định các hợp phần cấu thành một chương trình PCTN toàn diện.

7 nội dung báo cáo cơ bản bao gồm:

- Cam kết hành động chống các loại hình tham nhũng được công khai rộng rãi;
- Cam kết tuân thủ pháp luật bao gồm luật PCTN;
- Biến các cam kết PCTN thành hành động;
- Lãnh đạo của tổ chức ủng hộ PCTN;
- Truyền thông, đào tạo về các cam kết PCTN cho tất cả người lao động;
- Kiểm tra và cân đối nội bộ để đảm bảo phù hợp với các cam kết PCTN;
- Quy trình giám sát và hoàn thiện.

Ngoài hai chuẩn mực quốc tế trên, còn có Tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản trị phòng chống hối lộ và một số sáng kiến trong phạm vi ngành nhằm đẩy mạnh minh bạch có sự tham gia của các đối tác liên quan bao gồm doanh nghiệp:

Tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản trị phòng chống hối lộ - ISO37001:2016 Anti-bribery management system (2016). Tiêu chuẩn này quy định các tiêu chí và đưa ra hướng dẫn thiết lập, thực hiện, duy trì, xem xét và cải thiện hệ thống quản lý chống hối lộ. Hệ thống có thể hoạt động độc lập hoặc có thể được tích hợp vào một hệ thống quản lý tổng thể. ISO 37.001: 2016 đề cập đến những vấn đề liên quan đến các hoạt động của tổ chức như:

- Hối lộ ở khu vực công, khu vực tư và khu vực phi lợi nhuận;
- Hối lộ bởi tổ chức;
- Hối lộ bởi nhân sự đại diện cho tổ chức hoặc vì lợi ích của tổ chức;
- Hối lộ bởi đối tác kinh doanh của tổ chức đại diện cho tổ chức hoặc vì lợi ích của tổ chức;
- Hối lộ cho tổ chức;
- Hối lộ cho nhân sự của tổ chức liên quan đến hoạt động của tổ chức;
- Hối lộ cho đối tác kinh doanh của tổ chức liên quan đến hoạt động của tổ chức;
- Hối lộ trực tiếp và gián tiếp (ví dụ như một hối lộ được đề nghị bởi hoặc chấp nhận thông qua một bên thứ ba).

ISO 37.001: 2016 chỉ áp dụng với vấn đề hối lộ, đặt ra các tiêu chí và cung cấp hướng dẫn cho một hệ thống quản lý được thiết kế để giúp một tổ chức để ngăn chặn, phát hiện và ứng phó với vấn đề hối lộ, đảm bảo tuân thủ luật chống hối lộ và cam kết tự nguyện của tổ chức về chống hối lộ trong hoạt động của mình.

Sáng kiến minh bạch trong ngành khai khoáng (EITI) đưa ra bộ tiêu chuẩn yêu cầu thông tin về các ngành công nghiệp dầu khí và khai khoáng được công bố bởi các quốc gia và công ty tham gia EITI. EITI không phải là một giải pháp tổng thể cho quản trị của công nghiệp khai thác, mà là một công cụ để công khai minh bạch về cách thức quản trị ngành khai khoáng. Bộ tiêu chuẩn EITI yêu cầu các nước và các công ty công khai thông tin về những bước quan trọng trong việc quản lý doanh thu dầu mỏ, khí đốt và khai thác khoáng bao gồm (thông tin về cấp phép và trao hợp đồng khai thác, thực hiện khai thác và sản xuất, nguồn thu từ hoạt động khai thác, phân bổ nguồn thu, chỉ tiêu cho hạng mục kinh tế, xã hội vv...). EITI cũng đã được triển khai tại Việt nam⁵⁰

Sáng kiến minh bạch trong ngành dệt may – (GITI)⁵¹ là một sáng kiến nhiều bên liên quan nhằm thúc đẩy việc thực hiện các tiêu chuẩn lao động trong ngành dệt may thông qua tăng cường tính minh bạch và sự tham gia của các bên liên quan. Sau sự cố sập tòa nhà Rana Plaza do nguyên nhân tham nhũng làm hàng trăm người thiệt mạng, GITI được khởi xướng vào đầu năm 2014 dưới sự lãnh đạo của Giáo sư Tiến sĩ Peter Eigen, cựu Chủ tịch của sáng kiến minh bạch các ngành khai khoáng (EITI) và đồng sáng lập của diễn đàn quản trị HUMBOLDT-VIADRINA. GITI được phát triển dựa trên mô hình thành công của EITI. GITI định kỳ sẽ công bố thông tin đáng tin cậy dễ dàng tiếp cận và chấp nhận dưới dạng báo cáo quốc gia được chuẩn bị thông qua một quá trình thảo luận, trong đó bao gồm tất cả các nhóm tham gia chính (ví dụ:

⁵⁰ <http://www.eiti.vn/vi/2016/04/tieu-chuan-eiti-2016-tang-cuong-minh-bach-cai-thien-quan-ly/>

⁵¹ http://www.governance-platform.org/wp-content/uploads/2015/04/GITI_StatusReport_140115.pdf

chính phủ, các công ty, tổ chức xã hội và tổ chức công đoàn). Việc cung cấp các báo cáo quốc gia sẽ được dựa trên một khuôn khổ chặt chẽ hiện đang được phát triển bởi Ban Thư ký GITI, được hỗ trợ bởi một tập đoàn tư vấn quốc tế. GITI sẽ giúp tăng cường đáp ứng những chuẩn mực cao hơn, cải thiện mối quan hệ với người mua nhà cung cấp và tăng cường khả năng cạnh tranh của ngành công nghiệp dệt may của các nước tham gia GITI.

Sáng kiến minh bạch trong ngành xây dựng (CoST)⁵² (Construction sector transparency initiative) là sáng kiến ở phạm vi quốc gia với sự tham gia của các chính phủ, ngành công nghiệp và cộng đồng địa phương trên khắp thế giới để nâng cao hiệu quả đầu tư cơ sở hạ tầng công cộng thông qua tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình trong ngành xây dựng. CoST thúc đẩy tính minh bạch bằng cách thúc đẩy công bố thông tin các dự án đầu tư hạ tầng công cộng. Điều này giúp cung cấp thông tin cho người dân về các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng và trao quyền giám sát cho người dân, tăng cường trách nhiệm giải trình của người ra quyết định đầu tư, từ đó giảm bớt tình trạng quản lý yếu kém, không hiệu quả, tham nhũng và rủi ro gây ra cho người dân do cơ sở hạ tầng kém chất lượng.

2.2 Khung pháp lý của Việt Nam

Nhà nước đã cố gắng thiết lập môi trường hoạt động cho doanh nghiệp nhà nước bình đẳng với doanh nghiệp khu vực tư nhân nhằm ngăn chặn tình trạng bóp méo thị trường. Mặc dù đã đạt được một số thành tựu trong cải thiện môi trường kinh doanh, đặc biệt là về cải cách thủ tục thành lập doanh nghiệp, song sự thuận tiện trong thực hiện công việc kinh doanh ở Việt Nam còn hạn chế. Đánh giá của Ngân hàng Thế giới (2012) về môi trường kinh doanh cho thấy, Việt Nam xếp hạng 98/183 nền kinh tế (năm 2011) và 82/190 nền kinh tế (năm 2017). So với các nước ASEAN, sự thuận tiện trong kinh doanh của Việt Nam ở mức trung bình kém (đứng ở vị trí thứ 5 trong khối ASEAN)⁵³.

Vai trò, trách nhiệm của doanh nghiệp trong PCTN được quy định cụ thể tại Điều 87 Luật PCTN và Nghị định 47. Theo đó, doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp có các trách nhiệm sau:

- *Tuyên truyền, động viên cán bộ, người lao động trong doanh nghiệp, các hội viên của hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề về thực hiện pháp luật PCTN.* Ngoài ra, các Hiệp hội cũng có trách nhiệm động viên, khuyến khích các hội viên xây dựng văn hoá kinh doanh lành mạnh, phi tham nhũng, xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, người lao động trong doanh nghiệp để phòng ngừa tham nhũng.
- *Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện tham nhũng:*
 - *Cạnh tranh lành mạnh*
 - *Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước và người lao động.*
 - *Thực hiện chế độ thống kê theo quy định của pháp luật.*
 - *Công khai, minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp.*

⁵² <http://www.constructiontransparency.org/vietnam>

⁵³ Thanh tra Chính phủ và Ngân hàng Thế giới “Tham nhũng từ cảm nhận của người dân, Doanh nghiệp và Doanh nghiệp Nhà nước”, 2012

- *Xây dựng, thực hiện các quy định về kiểm soát nội bộ.*
- *Khuyến khích tổ cáo tham nhũng*, cung cấp thông tin, phối hợp với cơ quan nhà nước trong giải quyết vụ việc có dấu hiệu tham nhũng.
- *Kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật PCTN*: Doanh nghiệp có quyền tham gia đóng góp ý kiến xây dựng các văn bản luật về PCTN, kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ các văn bản luật không phù hợp, làm phát sinh tham nhũng.

Về công khai, minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp

Hiện nay các quy định về công khai, minh bạch là khá nhiều trong Luật Doanh nghiệp và các Nghị định, Thông tư liên quan. Các quy định này thể hiện nghĩa vụ công khai, minh bạch trên cả hai khía cạnh: (i) doanh nghiệp công khai thông tin ra bên ngoài để các nhà đầu tư và những người quan tâm biết được; (ii) công khai, minh bạch trong nội bộ tổ chức và hoạt động của chính doanh nghiệp.

Nhìn chung, các doanh nghiệp phải công khai ra công chúng nội dung đăng ký doanh nghiệp. Riêng các công ty cổ phần phải công bố: Điều lệ công ty; Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc/Tổng giám đốc; Báo cáo tài chính hằng năm; Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.⁵⁴ Nếu công ty cổ phần là công ty đại chúng phải thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Theo đó, công ty đại chúng phải định kỳ công bố Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo tài chính sáu tháng đã được soát xét bởi công ty kiểm toán độc lập, báo cáo tài chính quý, thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, thông tin về hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn, thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.⁵⁵

Nhằm minh bạch hóa trong công ty, hạn chế các rủi ro liên quan đến xung đột lợi ích, Luật Doanh nghiệp đã có các quy định yêu cầu một số chức danh quản lý và người liên quan của họ phải thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ sở hữu hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối.⁵⁶ Đồng thời, Luật Doanh nghiệp cũng yêu cầu doanh nghiệp thực hiện minh bạch về thu nhập của các chức danh quản lý. Quy định này chỉ mang tính công khai nội bộ, trừ trường hợp là công ty cổ phần, vì phải công khai báo cáo tài chính trên trang thông tin điện tử.

Về xây dựng, thực hiện các quy định về kiểm soát nội bộ

Hệ thống kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp được coi là một trong các biện pháp phòng ngừa, phát hiện tham nhũng hiệu quả. Vì vậy, việc xây dựng và thực hiện các quy định về kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp là cần thiết. Tuy nhiên, quy định trong Luật PCTN mới chỉ dừng ở

⁵⁴ Khoản 2 Điều 171, Luật Doanh nghiệp 2014.

⁵⁵ Điều 8, Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

⁵⁶ Điểm c Khoản 1 Điều 71, Khoản 4 Điều 83, Điểm d Khoản 1 Điều 160, LDN 2014.

việc “Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp có cơ chế kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn hành vi tham ô, đưa hối lộ” và quy định trong Nghị định 47 cũng chưa thực sự nhấn mạnh rõ đây là trách nhiệm của doanh nghiệp. Và luật cũng mới chỉ yêu cầu có cơ chế để ngăn chặn một số hành vi tham nhũng (là tham ô, đưa hối lộ), chưa nói đến cơ chế để phòng ngừa xung đột lợi ích hay phòng ngừa/xử lý tất cả các loại hành vi tham nhũng.

Theo Luật Doanh nghiệp 2014, Công ty trách nhiệm hữu hạn có từ 11 thành viên trở lên, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, và công ty cổ phần (trừ trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty) phải thành lập Ban kiểm soát.⁵⁷ Với công ty TNHH có 11 thành viên trở lên, chế độ làm việc của Ban kiểm soát hoàn toàn do điều lệ công ty quy định. Khi không có yêu cầu mang tính định hướng theo luật cho hoạt động của Ban kiểm soát thì sự có mặt của Ban kiểm soát có thể chỉ mang tính hình thức và không gắn với hoạt động PCTN trong kinh doanh.

Về khuyến khích tố cáo tham nhũng

Theo Nghị định 47, doanh nghiệp có trách nhiệm khuyến khích việc phát hiện, tố cáo tham nhũng, và phạm vi áp dụng là tất cả doanh nghiệp nói chung. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật Việt Nam hiện chưa có quy định về tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của các cá nhân trong doanh nghiệp ngoài nhà nước. Tố cáo hành vi tham nhũng của các chức danh trong DNNN là cán bộ, công chức sẽ tuân theo Luật Tố cáo, tố cáo hành vi tham nhũng của các cá nhân trong doanh nghiệp ngoài nhà nước thì chưa có văn bản nào điều chỉnh. Vì vậy, quy định này trong Nghị định 47 hiện chưa có cơ chế thực hiện.

Nhìn chung, các quy định hiện hành còn khá chung chung, mang tính hình thức, chủ yếu tập trung vào trách nhiệm mà chưa khẳng định vai trò quan trọng của doanh nghiệp trong PCTN, chưa có cơ chế, chính sách cụ thể để động viên, khuyến khích doanh nghiệp tích cực tham gia vào công tác; chưa tạo cơ sở pháp lý vững chắc để doanh nghiệp và các hiệp hội phát huy vai trò trong PCTN.

2.3 Thực trạng tham nhũng trong khu vực kinh doanh

Theo nghiên cứu của VCCI và USAID (2015), chi phí không chính thức chưa có dấu hiệu giảm bớt. Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết chi trả chi phí này tăng qua các năm, từ 50% (2013), lên tới 64,5% (2014) và 66% (2015). Hơn 11% doanh nghiệp tham gia điều tra năm nay cho biết các khoản chi cho riêng mục này chiếm tới hơn 10% tổng doanh thu của họ, tăng nhẹ so với 2014 (10%). Vẫn có 65% doanh nghiệp cho biết “tình trạng những nhiễu khi giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp là phổ biến”⁵⁸.

Một nghiên cứu khác lại cho thấy tình trạng nhiễu đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn không giảm. Nghiên cứu 2.500 doanh nghiệp nhỏ và vừa ngoài quốc doanh hoạt động trong

⁵⁷ Điều 55, Khoản 1 Điều 78 và Điểm a Khoản 1 Điều 134, LDN 2014.

⁵⁸ VCCI và USAID, “PCI2015: Chỉ Số Năng Lực Cạnh Tranh Cấp Tỉnh 2015”, 2015

khu vực sản xuất tại 10 tỉnh, thành phố cho thấy, 38% doanh nghiệp thừa nhận đã phải chi các khoản phí không chính thức, tăng so với con số 34% vào năm 2009 (Đại học Copenhagen và CIEM, 2012). Cũng theo nghiên cứu này, các doanh nghiệp lớn hơn có xác suất chi cho hối lộ cao hơn khoảng 10% so với các doanh nghiệp siêu nhỏ; các doanh nghiệp có đăng ký hoạt động có xác suất chi hối lộ cao hơn 22 - 23% so với các doanh nghiệp phi chính thức. Đáng chú ý là các doanh nghiệp tại miền Nam có tỷ lệ chi hối lộ thấp hơn so với các doanh nghiệp có cùng quy mô, ngành nghề tại miền Bắc.

Kết quả điều tra còn chỉ rõ “địa chỉ” của các khoản chi phí phi chính thức, trong đó 30% doanh nghiệp thú nhận đã chi các khoản phí này cho nhân viên ngành thuế trong năm 2011, trong khi con số này trong năm 2009 là 26%. Các doanh nghiệp còn tiết lộ, trong năm 2011, gần 26% các khoản chi phí phi chính thức có liên quan đến các dịch vụ công - tỷ lệ này tăng đáng kể so với 20% theo kết quả điều tra vào năm 2009.

2.4. Thực tiễn thực hiện các biện pháp phòng, chống tham nhũng trong kinh doanh tại Việt Nam

Những nỗ lực cải cách của Chính phủ Việt Nam đã được cộng đồng doanh nghiệp thừa nhận, song mới ở mức chiều rộng, bề nổi, chưa có nhiều cải cách nhằm cải thiện mức tăng trưởng theo chiều sâu của khu vực tư nhân⁵⁹. Cũng giống nhiều nền kinh tế chuyển đổi, Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp luật về kinh doanh, tuy nhiên hệ thống văn bản này còn chưa đồng bộ và thiếu rõ ràng nhất quán, vì thế tạo sức ép lên khâu thực hiện⁶⁰.

Ở nhiều địa phương, các cơ quan đăng ký kinh doanh đã hình thành những bộ phận một cửa. Theo đó, cơ chế một cửa là cơ chế giải quyết công việc hành chính của cơ quan nhà nước từ khâu tiếp nhận hồ sơ đến trả kết quả chỉ thông qua một đầu mối. Cơ chế một cửa này đẩy nhanh việc giải quyết thủ tục, tiết kiệm thời gian và kinh phí cho việc thành lập doanh nghiệp. Đây được coi là một sáng kiến tốt, giảm tương tác trực tiếp và cơ hội nhũng nhiễu giữa cán bộ nhà nước và doanh nghiệp⁶¹.

Về tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến nghị hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN, “Nghiên cứu so sánh các quy định của pháp luật Việt Nam về Vai trò của doanh nghiệp trong phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật Việt Nam” của Trung tâm Nghiên cứu quản trị xã hội, việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật PCTN được thực hiện chủ yếu ở các DNNN, các tập đoàn, tổng công ty lớn mà chưa được quan tâm thực hiện tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ.⁶² Nhiều doanh nghiệp có số lượng lớn người lao động làm việc ở vùng sâu, vùng xa nên công tác tuyên truyền pháp luật còn gặp nhiều khó khăn.⁶³

⁵⁹ Michael Porter, “Báo cáo năng lực cạnh tranh Việt Nam”, 2010,

⁶⁰ Thang Văn Phúc, “Cải cách hành chính nhà nước: nhìn lại 5 năm (2001-2005), các ưu tiên (2006-2010) và tầm nhìn 2020. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam”, 2006

⁶¹ Ngân hàng thế giới, “Báo cáo thường niên Ngân hàng Thế giới 2010: Một năm đánh giá”, 2010

⁶² Viện Khoa học Thanh tra, Thực trạng việc doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề phát huy vai trò trong phòng chống tham nhũng và một số vấn đề đặt ra, <http://www.giri.ac.vn/thuc-trang-viec-doanh-nghiep->

Từ phía các hiệp hội, VCCI là tổ chức đi đầu trong thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến nghị hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN. Các hiệp hội hiện nay mới chủ yếu tập trung tuyên truyền, phổ biến chính sách, kiến nghị xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan trực tiếp đến lĩnh vực hoạt động của hiệp hội mình mà chưa chú trọng vào thể hiện vai trò trong PCTN. Thậm chí, một số hiệp hội còn kiến nghị chính sách theo hướng có lợi cho hiệp hội mình hoặc cho một số doanh nghiệp chủ chốt trong hiệp hội mà chưa quan tâm đến việc xây dựng môi trường cạnh tranh lành mạnh, văn hóa kinh doanh liêm chính.⁶⁴

Về thực hiện công khai, minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp

Theo ông Đậu Anh Tuấn, Trưởng ban Pháp chế, VCCI, chất lượng thông tin từ các báo cáo kế toán của các doanh nghiệp rất thấp, do trên thực tế một doanh nghiệp có thể có nhiều hơn một hệ thống kế toán nhằm phục vụ các mục tiêu khác nhau, trong đó gồm một mục tiêu là hợp lý hóa các khoản chi phí hợp lý với hoạt động của doanh nghiệp nhưng không hợp lệ theo các quy định của pháp luật.

Theo Diễn đàn Kinh tế thế giới (2012), chỉ tiêu áp dụng hiệu quả các chuẩn mực về kế toán và báo cáo tài chính của Việt Nam chỉ được xếp thứ 132/144 nền kinh tế. Từ 1/7/2015 đến 30/6/2016, số lượng doanh nghiệp tuân thủ đúng và đầy đủ về nghĩa vụ công bố thông tin trên cả hai sàn chứng khoán (HOSE và HNX) là 118 công ty trong tổng số 639 công ty niêm yết thuộc danh sách khảo sát do công ty Vietstock kết hợp cùng Hiệp hội Các nhà Quản trị Tài chính Việt Nam thực hiện, tương ứng với tỷ lệ 18.47%. Rất nhiều doanh nghiệp niêm yết chậm nộp báo cáo tài chính hoặc chậm công bố thông tin, hoặc có công bố nhưng bỏ sót những thông tin quan trọng, ảnh hưởng đến quyền lợi của nhà đầu tư, ví dụ như: giải trình biến động kết quả kinh doanh, thay đổi tỷ lệ nợ vay, thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn, tình hình sử dụng vốn từ các đợt phát hành... Trong thời gian qua, nhiều doanh nghiệp đã bị xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến việc công bố thông tin. Gần đây nhất, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã xử phạt 100 triệu đồng đối với CTCP Thiết bị y tế Việt Nhật do không công bố một số thông tin, tài liệu theo quy định.

Thực tế cũng cho thấy các cổ đông thiểu số vẫn chưa được bảo vệ khi mà việc công khai và cung cấp thông tin theo luật không được thực hiện đầy đủ nên không thể ngăn ngừa và hạn chế hiệu quả nguy cơ trục lợi của những cổ đông kiểm soát công ty. Chính vì vậy, trong Báo cáo Cạnh tranh toàn cầu năm 2012-2013, Diễn đàn Kinh tế thế giới chỉ xếp Việt Nam thứ 101/144 nền

[hiep-hoi-doanh-nghiep-hiep-hoi-nganh-nghe-phat-huy-vai-tro-trong-phong-chong-tham-nhung-va-mot-so-van-de-dat-ra_t104c2716n2230tn.aspx](http://www.giri.ac.vn/thuc-trang-viec-doanh-nghiep-hiep-hoi-doanh-nghiep-hiep-hoi-nganh-nghe-phat-huy-vai-tro-trong-phong-chong-tham-nhung-va-mot-so-van-de-dat-ra_t104c2716n2230tn.aspx) [truy cập ngày 11/1/2017].

⁶³ Viện Khoa học Thanh tra, *Báo cáo tổng thuật: Trách nhiệm của DNNN trong thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo và PCTN*, 2016, tr102-103.

⁶⁴ Viện Khoa học Thanh tra, *Thực trạng việc doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề phát huy vai trò trong phòng chống tham nhũng và một số vấn đề đặt ra*, http://www.giri.ac.vn/thuc-trang-viec-doanh-nghiep-hiep-hoi-doanh-nghiep-hiep-hoi-nganh-nghe-phat-huy-vai-tro-trong-phong-chong-tham-nhung-va-mot-so-van-de-dat-ra_t104c2716n2230tn.aspx [truy cập ngày 11/1/2017].

kinh tế về bảo vệ nhà đầu tư⁶⁵, còn trong báo cáo tương tự của WB năm 2012, Việt Nam chỉ được xếp ở mức 166/183 nền kinh tế, thấp hơn tất cả các nước trong khu vực ASEAN, trừ Lào⁶⁶.

Về xây dựng văn hoá kinh doanh lành mạnh, quy tắc ứng xử

Theo khảo sát của International Finance Corporation (IFC) vào năm 2011, tại 94% số công ty được khảo sát không có bằng chứng rõ ràng hoặc có nhưng chưa đầy đủ về sự tồn tại của một bộ quy tắc ứng xử. Theo báo cáo “Tham nhũng từ góc nhìn của người dân, doanh nghiệp và cán bộ, công chức, viên chức” năm 2013, trong số các doanh nghiệp đã thực hiện các biện pháp PCTN, 74% nói doanh nghiệp có ban hành quy tắc ứng xử, 50% nói doanh nghiệp có phát động chiến dịch “nói không với tham nhũng”.⁶⁷ Việc xây dựng các tiêu chuẩn, đạo đức nghề nghiệp được các doanh nghiệp phối hợp chặt chẽ với hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề để cùng tổ chức xây dựng và cam kết thực hiện.⁶⁸

Đến thời điểm hiện tại, nhiều doanh nghiệp lớn, tổng công ty của Việt Nam đã xây dựng và ban hành bộ quy tắc ứng xử trong kinh doanh như: Vinamilk, Biti's, Vinaconex, một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như: Nokia, Daimler, BigC...⁶⁹

Theo Báo cáo Đánh giá thực tiễn công bố thông tin của doanh nghiệp tại Việt Nam do Tổ chức Hướng tới Minh bạch thực hiện năm 2016, chỉ 2 trên tổng số 30 doanh nghiệp tham gia khảo sát có ban hành Quy tắc ứng xử dành cho nhân viên và giám đốc, trong đó đưa ra hướng dẫn cụ thể về các cách ứng xử phù hợp với chính sách PCTN của doanh nghiệp.⁷⁰ 3 trong tổng số 30 doanh nghiệp tham gia khảo sát đã thực hiện chương trình bồi dưỡng về PCTN cho người lao động trong doanh nghiệp.⁷¹

Báo cáo thể điểm quản trị công ty của International Finance Corporation (IFC) năm 2011 cho thấy 98% số công ty được khảo sát không có cơ chế khuyến khích trao đổi thông tin giữa các bên có quyền lợi liên quan với hội đồng quản trị về những vấn đề vi phạm pháp luật hoặc đạo đức kinh doanh. Trong số các công ty khảo sát chỉ có một công ty có đề cập rõ ràng về vấn đề này trong Điều lệ công ty. Báo cáo khả năng cạnh tranh quốc tế năm 2012-2013 cho thấy, quy tắc đạo đức của các doanh nghiệp Việt Nam chỉ được xếp thứ 88/144 quốc gia được xếp hạng.

⁶⁵ Diễn đàn kinh tế thế giới, "Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu 2012-2013", 2012

⁶⁶ Ngân hàng Thế giới, "Làm kinh doanh 2012: Kinh doanh trong một thế giới minh bạch hơn" Washington. D.C, 2012

⁶⁷ Thanh tra Chính phủ, Ngân hàng Thế giới, *Tham nhũng từ góc nhìn của người dân, doanh nghiệp và cán bộ, công chức, viên chức*, 2013, tr.69.

⁶⁸ Thực trạng việc doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề phát huy vai trò trong phòng, chống tham nhũng và một số vấn đề đặt ra, Viện Khoa học Thanh tra, (http://www.giri.ac.vn/thuc-trang-viec-doanh-nghiep-hiep-hoi-doanh-nghiep-hiep-hoi-nganh-nghe-phat-huy-vai-tro-trong-phong-chong-tham-nhung-va-mot-so-van-de-dat-ra_t104c2716n2230tn.aspx) [truy cập ngày 12/1/2017].

⁶⁹ Như trên.

⁷⁰ Tổ chức Hướng tới Minh bạch, Báo cáo Đánh giá thực tiễn công bố thông tin của doanh nghiệp tại Việt Nam, tr 14.

⁷¹ Tổ chức Hướng tới Minh bạch, Báo cáo Đánh giá thực tiễn công bố thông tin của doanh nghiệp tại Việt Nam, tr 14.

Việc thiếu các quy định về ứng xử của các doanh nghiệp cũng như của các ngành đã khiến cho các hành vi liêm chính không được thúc đẩy và tôn trọng trong khu vực doanh nghiệp.

Về tham gia các sáng kiến hành động tập thể

VCCI đã thể hiện vai trò khá tích cực trong thúc đẩy PCTN trong khối doanh nghiệp. Cụ thể, tháng 4/2015, VCCI và Mạng lưới Hiệp ước Toàn cầu Việt Nam đã tổ chức hội thảo khởi động Đề án 12 - Chương trình Hành động Thúc đẩy thực hiện Liêm chính trong kinh doanh.⁷² Việc thực hiện đề án 12 sẽ ở ba góc độ là: Nội bộ doanh nghiệp; nỗ lực tập thể thông qua thỏa ước liêm chính và cam kết liêm chính; cải thiện môi trường kinh doanh.⁷³

Tháng 9/2016, đại diện của Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh, Khu công nghệ cao Hòa Lạc và Khu công nghệ cao Đà Nẵng đã ký kết thỏa thuận “Hợp tác hành động tập thể thúc đẩy liêm chính trong kinh doanh”, trong đó có cam kết khuyến khích tăng cường đạo đức kinh doanh, làm việc tuân thủ pháp luật và PCTN bao gồm hối lộ, lợi quyền và các hình thức lạm quyền để tư lợi.⁷⁴

Tháng 10/2016, VCCI đã phối hợp với Đại sứ quán Anh tổ chức công bố “Bộ công cụ Hướng dẫn các bước đi thực tế phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp” gồm nhiều thông tin hữu ích về các quy tắc và quy định, lời khuyên và tư vấn thiết thực về phương pháp phòng chống tham nhũng, chỉ dẫn về những địa chỉ mà doanh nghiệp có thể tìm tới khi cần trợ giúp và tư vấn.⁷⁵ Đây được coi là cẩm nang hướng dẫn các doanh nghiệp nhỏ và vừa tự phòng ngừa tham nhũng trong nội bộ doanh nghiệp và bên ngoài doanh nghiệp.

⁷² Hội thảo Khởi động Chương trình Hành động Thúc đẩy thực hiện Liêm chính trong kinh doanh - Đề án 12, Mạng lưới Hiệp ước Toàn cầu tại Việt Nam, (<http://globalcompactvietnam.org/vn/detail.asp?id=163>) [truy cập ngày 20/1/2017].

⁷³ Liêm chính: “Nền móng” kinh doanh, Hiệp hội Doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, (<http://www.hiephoidoanhnghep.vn/diem-tin-su-kien/liem-chinh-nen-mong-kinh-doanh>) [truy cập ngày 20/1/2017].

⁷⁴ *Báo Mới*, ‘Ba Khu công nghệ cao quốc gia hợp tác thúc đẩy liêm chính trong kinh doanh’, ngày 29/9/2016, (<http://www.baomoi.com/ba-khu-cnc-quoc-gia-hop-tac-thuc-day-liem-chinh-trong-kinh-doanh/c/20446946.epi>) [truy cập ngày 20/1/2017].

⁷⁵ VCCI công bố bộ công cụ phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, Vietnam Business Forum, (<http://vccinews.vn/news/16783/vcci-cong-bo-bo-cong-cu-phong-ngua-tham-nhung-trong-doanh-nghep.html>) [truy cập ngày 19/1/2017].

CHƯƠNG 3

THỰC HÀNH LIÊM CHÍNH TRONG KINH DOANH: KINH NGHIỆM THỰC TẾ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM

Trong chương này, chúng tôi báo cáo kết quả khảo sát đối với một nhóm các doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam liên quan đến việc thực hành Liêm chính trong kinh doanh và phòng ngừa tham nhũng trong sự vận hành tổ chức. Cuộc khảo sát được thực hiện vào tháng 11 và tháng 12 năm 2017.

3.1 Các phát hiện chính

Trong số 35 cuộc phỏng vấn được thực hiện với doanh nghiệp, 15 cuộc phỏng vấn được thực hiện với lãnh đạo cấp cao của công ty (giám đốc, giám đốc điều hành) và 18 cuộc phỏng vấn được thực hiện với nhân sự ở cấp quản lý các bộ phận (Bộ phận nhân sự, bộ phận Pháp lý).

31 trong số 35 doanh nghiệp tham gia phỏng vấn là doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, 2 trong số 35 doanh nghiệp nhà nước có yếu tố vốn của nước ngoài, và 2 trong số 35 doanh nghiệp là doanh nghiệp liên doanh nhà nước. Trong đó, 50% số doanh nghiệp làm trong ngành Công nghiệp, sản xuất. Các doanh nghiệp còn lại hoạt động trong các ngành dịch vụ và thương mại.

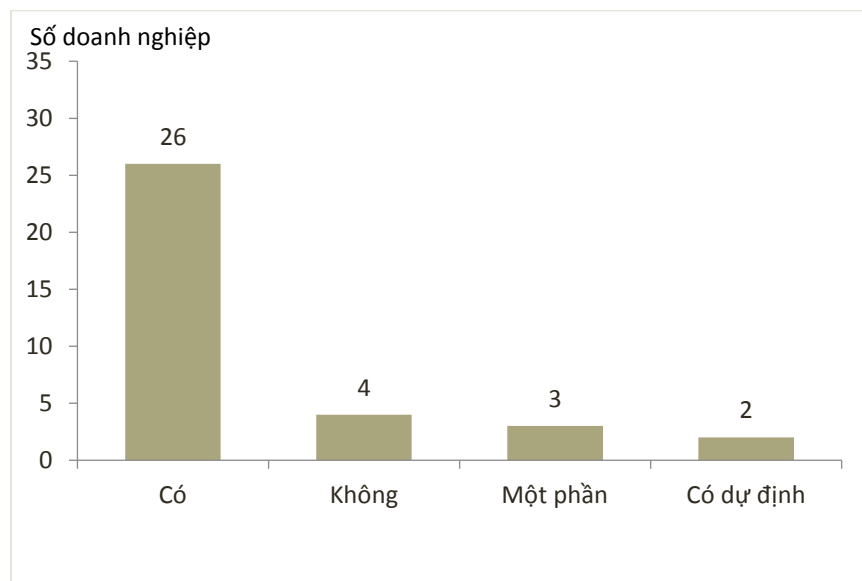
Về quy mô doanh nghiệp, trong số 35 doanh nghiệp tham gia phỏng vấn, 10 doanh nghiệp có từ 10 đến 100 lao động; 21 doanh nghiệp vừa với quy mô từ 100 đến 300 lao động và 4 doanh nghiệp lớn với số lao động trên 300 người.

Hơn 70% số doanh nghiệp được phỏng vấn coi trọng “Minh bạch”, “Tính chuyên nghiệp”, “Đanh tiếng doanh nghiệp”, “Chất lượng dịch vụ” và coi đó là lợi thế cạnh tranh của họ. 30 trong số 35 doanh nghiệp được phỏng vấn cho rằng các khách hàng và đối tác kinh doanh ở các quốc gia phát triển yêu cầu cao về tính Liêm chính và năng lực quản lý rủi ro tham nhũng của đối tác kinh doanh. Doanh nghiệp Việt Nam muốn thâm nhập thị trường quốc tế cần chuẩn bị trước để đáp ứng các tiêu chí này.

Về cam kết phòng, chống tham nhũng

26 trong số 35 doanh nghiệp được phỏng vấn có chính sách cập nhật về minh bạch trong kinh doanh, chủ yếu thông qua Bộ quy tắc ứng xử được cập nhật thường niên. Các doanh nghiệp này cho biết, cam kết chống tham nhũng là điều bắt buộc đối với các doanh nghiệp nhận vốn FDI. Cam kết này bao gồm Bộ quy tắc ứng xử, các quy định cụ thể về những rủi ro tham nhũng trong kinh doanh hay doanh nghiệp có bộ phận pháp lý kiểm tra, cập nhật các quy chuẩn chống tham nhũng quốc tế, trong nước...

Hình 3.1. Số lượng doanh nghiệp có cam kết của lãnh đạo cấp cao về phòng ngừa tham nhũng



Số doanh nghiệp không có cam kết của lãnh đạo cấp cao trong việc chống tham nhũng chia sẻ họ là những doanh nghiệp nhỏ và chưa thấy việc cam kết chống tham nhũng là thực sự cần thiết. Các doanh nghiệp này cho biết, nếu có hiện tượng tham nhũng, ban giám đốc sẽ trực tiếp xử lý qua răn đe, xử phạt. Đây là ví dụ điển hình của doanh nghiệp áp dụng phương thức Can thiệp trong việc chống tham nhũng.

Tuy nhiên, những doanh nghiệp này cũng chia sẻ rằng, với tiến trình hội nhập của Việt Nam vào nền kinh tế khu vực và quốc tế, họ nhận thức được sự cần thiết của phòng chống tham nhũng như là một phương thức bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp.

Chỉ 3 trong số 35 số doanh nghiệp phỏng vấn được hỏi cho biết họ không có văn bản chính thức mà chỉ là cam kết bằng lời nói của doanh nghiệp với đối tác và khách hàng; do đó hiệu lực cũng không cao. Một số doanh nghiệp được hỏi cho biết bộ phận pháp lý hoặc bộ phận nhân sự của doanh nghiệp đang xây dựng những chính sách cần thiết để giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong việc phòng ngừa tham nhũng. Hầu hết doanh nghiệp đều cho rằng, phương thức xử lý sau khi hành vi tham nhũng đã xảy ra hầu như không thể bù đắp thiệt hại. 2 trong số 35 doanh nghiệp là những doanh nghiệp mới thành lập và đang trong quá trình tìm hiểu, học hỏi kinh nghiệm thực tiễn từ các doanh nghiệp đi trước để xây dựng bộ quy tắc ứng xử cho doanh nghiệp mình.

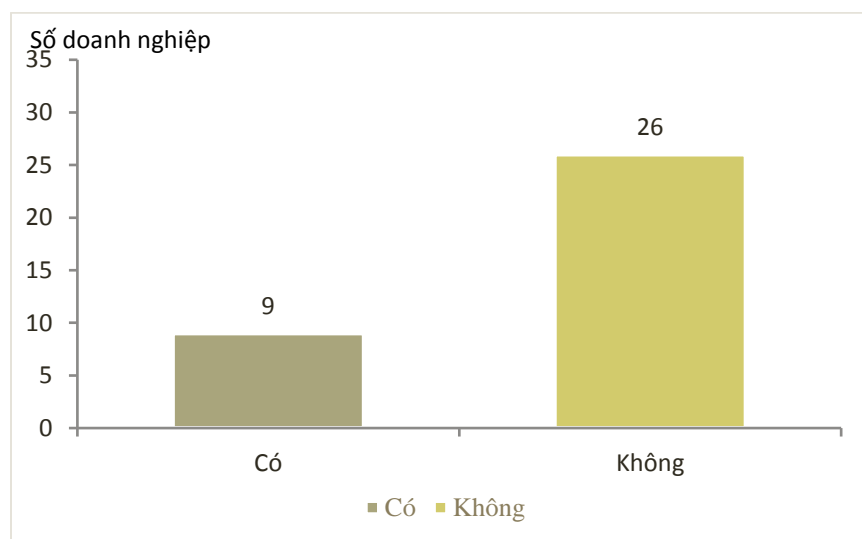
29 trong số 35 doanh nghiệp thể hiện cam kết hoặc đề cập tới việc tuân thủ pháp luật phòng chống tham nhũng của Việt Nam trong bộ quy tắc ứng xử. 6 trong số 35 doanh nghiệp chia sẻ họ có quan tâm đến những điều khoản chống tham nhũng nhưng chưa có văn bản cam kết thực hiện. Khi được hỏi doanh nghiệp có công khai cam kết chống tham nhũng trên website hoặc có các chương trình truyền thông quảng bá hình ảnh doanh nghiệp gắn với cam kết tuân thủ pháp luật phòng chống tham nhũng, 23 số doanh nghiệp cho biết họ không đưa cam kết của mình lên trang

web của công ty. Có thể thấy, truyền thông về cam kết phòng, chống tham nhũng tới các bên liên quan chưa phổ biến. Doanh nghiệp chia sẻ họ cũng chưa thấy có tiền lệ công khai cam kết như vậy. Đây có thể là do doanh nghiệp tại Việt Nam chưa nhận thức được lợi ích của việc truyền thông cam kết chống tham nhũng.

Theo khảo sát của Tổ chức Minh bạch Quốc tế, 48% người tiêu dùng Việt nam cho biết sẵn sàng trả giá cao hơn để mua sản phẩm hoặc dịch vụ của công ty họ cho rằng kinh doanh minh bạch không gian lận, tham nhũng⁷⁶.

Việc công khai cam kết chống tham nhũng qua kênh truyền thông của công ty là phương thức truyền thống; tuy nhiên, để cam kết đến được với người tiêu dùng, việc in thông điệp lên sản phẩm hoặc tờ rơi kèm sản phẩm sẽ tạo dấu ấn và niềm tin hơn với người tiêu dùng cũng như đối tác kinh doanh.

Hình 3.2. Số lượng doanh nghiệp có công khai cam kết phòng chống tham nhũng

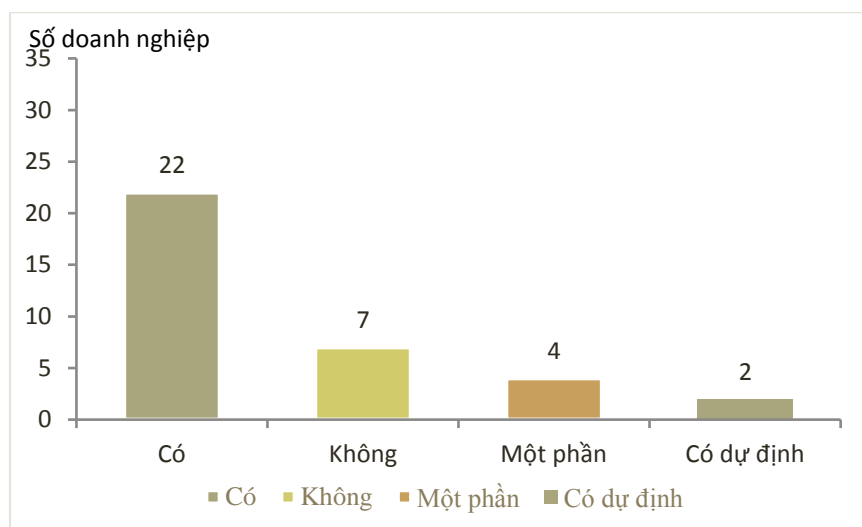


Về áp dụng các biện pháp chống tham nhũng

22 trong số 35 doanh nghiệp tiến hành đánh giá rủi ro thường niên. Theo chia sẻ của các doanh nghiệp, quá trình đánh giá thường rà soát những rủi ro tham nhũng trong doanh nghiệp (nếu đã được nhận diện), xác định những rủi ro mới nảy sinh và xem xét hiệu quả những biện pháp phòng ngừa tham nhũng đang áp dụng. Theo các doanh nghiệp này, việc đánh giá rủi ro tham nhũng cũng giúp doanh nghiệp nhận biết được nhiều bất cập trong quy trình hoạt động kinh doanh để có biện pháp cải thiện kịp thời.

⁷⁶ Báo cáo Phong vũ biểu tham nhũng toàn cầu (GCB) năm 2013 của Tổ chức Minh bạch quốc tế

Hình 3.3. Số doanh nghiệp có đánh giá rủi ro tham nhũng thường niên



7 trong số 35 doanh nghiệp cho biết, họ không đánh giá rủi ro thường xuyên, một phần do chưa có nhân sự đủ kinh nghiệm phụ trách; một phần do doanh nghiệp cho rằng quy mô doanh nghiệp còn nhỏ và họ vẫn có thể kiểm soát được; tuy nhiên, doanh nghiệp cũng đồng ý với nhận định rằng việc kiểm soát không có hệ thống bài bản không thể đạt hiệu quả cao và khi quy mô doanh nghiệp lớn dần thì việc đánh giá, quản trị rủi ro một cách bài bản là thực sự cần thiết để doanh nghiệp kiểm soát được nguy cơ tham nhũng trong doanh nghiệp mình.

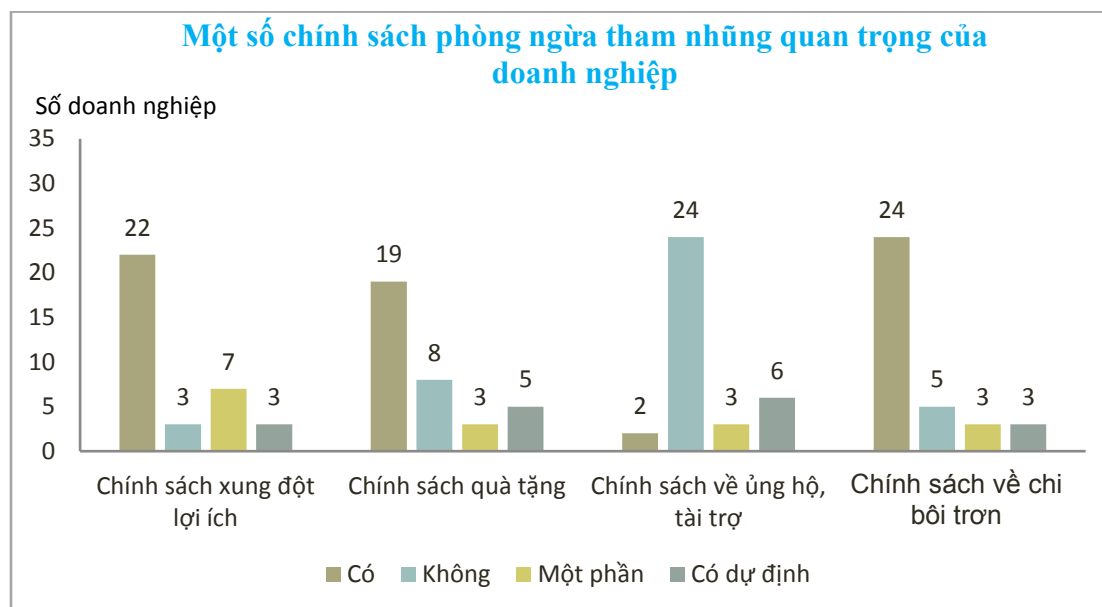
4 trong số 35 doanh nghiệp cho biết họ có đánh giá rủi ro tham nhũng nhưng không thường xuyên hoặc không hoàn chỉnh. Một số doanh nghiệp đánh giá rủi ro 2-3 năm một lần. Những doanh nghiệp cho rằng họ không tiến hành đánh giá rủi ro đầy đủ, thường xuyên cho biết, họ chỉ xem lại những điều khoản chống tham nhũng hoặc bộ quy tắc ứng xử doanh nghiệp đã có và sửa lại để phù hợp với quy định pháp luật phòng chống tham nhũng hiện tại. Những doanh nghiệp này bày tỏ mong muốn được học hỏi để hoàn thiện quy trình đánh giá rủi ro của mình.

22 trong số 35 doanh nghiệp có chính sách kiểm soát xung đột lợi ích được thực hiện thông qua cơ chế công khai xung đột lợi ích tại các bộ phận “có rủi ro cao” như Bộ phận Kinh doanh, Bộ phận thu mua... và kiểm soát thường xuyên, định kỳ. Riêng với dịch vụ mua sắm đầu vào phục vụ cho hoạt động kinh doanh, một số doanh nghiệp cũng cho rằng, xu hướng thuê ngoài cũng trở nên phổ biến vì giảm nguy cơ vi phạm pháp luật về phòng chống tham nhũng cũng như giảm chi phí cho doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cũng cho rằng, xu hướng thuê dịch vụ ngoài cũng trở nên phổ biến vì giảm rủi ro tham nhũng và giảm chi phí cho doanh nghiệp.

Đối với Chính sách Quà tặng của doanh nghiệp chủ yếu quy định về việc chỉ được phép đưa, nhận quà tặng dưới 2 triệu đồng. Theo doanh nghiệp, phần lớn những dịp lễ tết đều có quà tặng; tuy nhiên, quà tặng cần được sử dụng đúng mục đích, có hóa đơn chứng từ và ghi chép đầy đủ trong sổ sách kế toán. Nhiều doanh nghiệp cho biết, giá trị quà tặng cho đối tác có giá trị tương đương với giá trị phần quà họ tặng cho nhân viên của mình. Tại những doanh nghiệp cho phép

nhân viên nhận quà tết, có quy định giá trị tối đa của món quà được nhận không quá 2 triệu, quy định người nhận phải công khai về món quà và góp vào quỹ quà chung của tập thể để sử dụng, hoặc chia sẻ công khai, công bằng cho tập thể người lao động trong doanh nghiệp.

Hình 3.4. Một số chính sách phòng ngừa tham nhũng quan trọng của doanh nghiệp



Với quy định về Quyên góp ủng hộ và tài trợ, chỉ 2 trong số 35 doanh nghiệp có bộ chính sách cụ thể về vấn đề này. Phần lớn doanh nghiệp chưa có các chính sách về sử dụng khoản tiền từ thiện cũng như các quy định sát với quy định phòng ngừa tham nhũng.

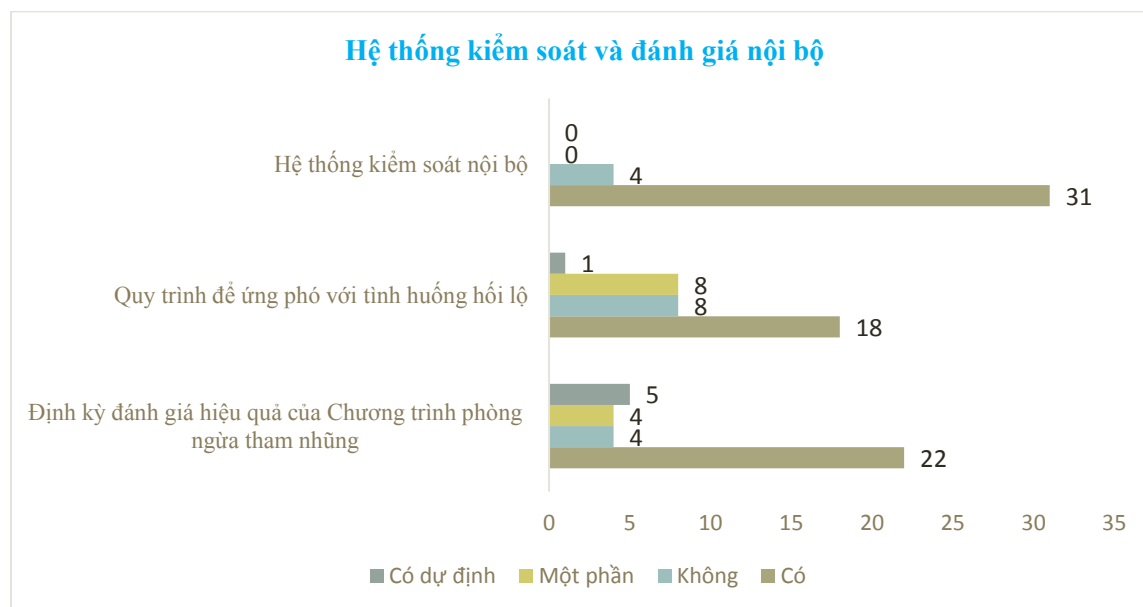
24 trong số 35 doanh nghiệp có chính sách chống chi phí bôi trơn. Doanh nghiệp thuê bên thứ ba (công ty cung cấp dịch vụ) để giải quyết các thủ tục xin giấy phép hoặc thủ tục hành chính để tránh liên quan trực tiếp đến các khoản bôi trơn. Đối với quy định của pháp luật phòng chống tham nhũng quốc tế (ví dụ Luật chống hối lộ của Anh Quốc) thì biện pháp này không bảo vệ được doanh nghiệp khỏi nguy cơ pháp lý liên quan đến chi phí bôi trơn (một hình thức hối lộ). Khi những công ty cung cấp dịch vụ giải quyết thủ tục chưa áp dụng các biện pháp hiệu quả phòng, chống tham nhũng thì nguy cơ các giao dịch có dính dáng đến hối lộ, bôi trơn được “đẩy” sang cho các công ty này là không nhỏ. Quá trình phỏng vấn cũng ghi nhận có doanh nghiệp đã chủ động tìm hiểu, nắm bắt và tận dụng hiệu quả những cơ chế chính sách ưu đãi, khuyến khích kinh doanh của Chính phủ (ví dụ như đơn giản hóa thủ tục khi thông quan hàng hóa với những doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt mức giá trị xuất khẩu nhất định từ đó giảm bớt được những thủ tục phức tạp không cần thiết và hạn chế nguy cơ bị đòi hỏi chi bôi trơn).

22 trong số 35 doanh nghiệp được phỏng vấn cho biết chính sách nhân sự của doanh nghiệp có phản ánh chính sách phòng ngừa tham nhũng. Các chính sách này bao gồm tiêu chí tuyển dụng

lao động, nội dung đào tạo định hướng ban đầu cho người lao động trước khi làm việc, ký cam kết liên chính kèm theo hợp đồng lao động và ký nhắc lại hàng năm, được đào tạo về các biện pháp phòng chống tham nhũng đang áp dụng tại doanh nghiệp trước khi bắt đầu công việc, cơ chế đánh giá kết quả làm việc, đề bạt, tăng lương thưởng dựa trên tiêu chí về liên chính và hình phạt khi vi phạm

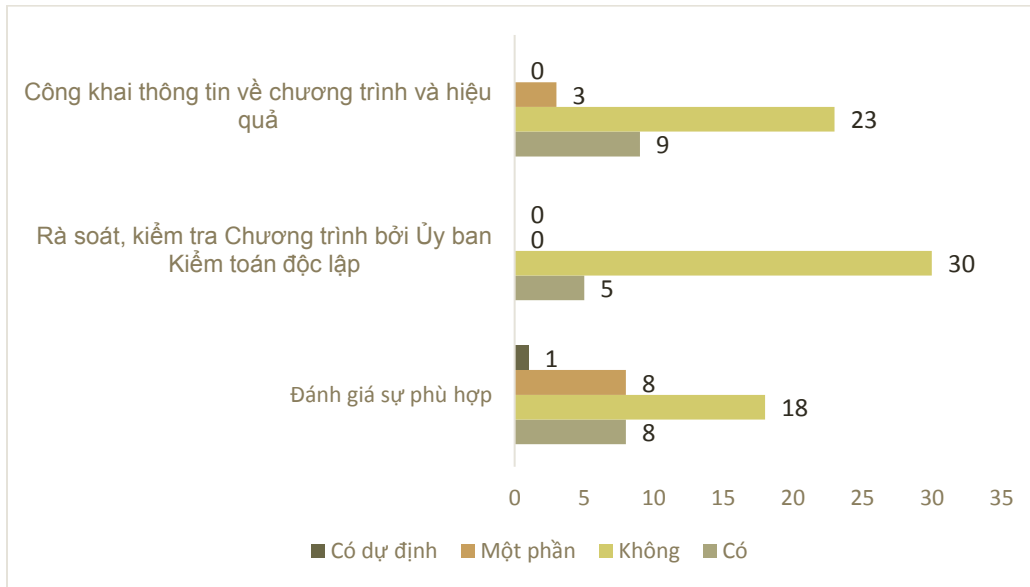
Với công tác kiểm tra và rà soát nội bộ, 31 trong số 35 doanh nghiệp có hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm các kiểm soát rủi ro tham nhũng được tích hợp trong các quy trình kế toán và hoạt động; 18 trong số 35 doanh nghiệp có quy trình ứng phó với từng loại sự cố, tình huống tham nhũng (nếu xảy ra). Doanh nghiệp trong số này có quy trình xử lý tham nhũng cụ thể từ quy trình báo cáo, tố cáo, điều tra, răn đe, xử phạt theo quy chế công ty và quy định pháp luật bao gồm: cảnh cáo, chuyển vị trí công tác, chấm dứt hợp đồng và truy tố trước pháp luật. Những doanh nghiệp đang áp dụng chính sách phòng, chống tham nhũng chưa đầy đủ cho biết, họ chỉ áp dụng hình thức xử phạt tùy trường hợp cụ thể chứ không đưa vào quy chế hoặc quy chế không hoàn chỉnh. 22 trong số 35 doanh nghiệp được hỏi có đánh giá nội bộ về hiệu quả của chương trình chống tham nhũng (thường là 2 năm một lần).

Hình 3.5. Theo dõi đánh giá nội bộ



Đối với hình thức kiểm tra và rà soát của Ủy ban kiểm toán độc lập, 30 trong số 35 doanh nghiệp thực hiện kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập và có rà soát những vấn đề liên quan đến tham nhũng. Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp công khai hiệu quả về chính sách chống tham nhũng vẫn còn rất ít.

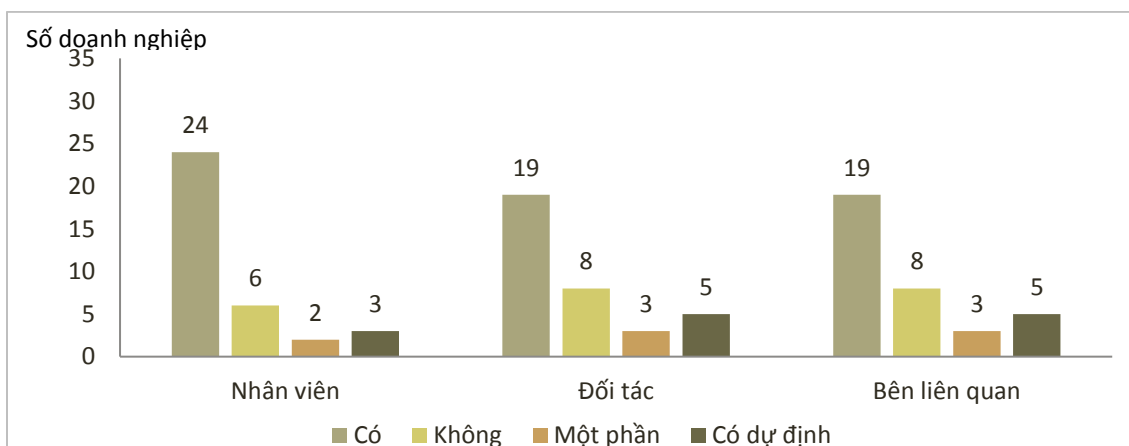
Hình 3.6. Đánh giá độc lập



Về phổ biến chính sách PCTN

21 trong số 35 doanh nghiệp được hỏi cho biết các chính sách chống tham nhũng được thực hiện tại toàn bộ các thực thể kinh doanh mà doanh nghiệp phụ trách. Hầu hết doanh nghiệp trong số này áp dụng bộ quy tắc ứng xử của công ty mẹ, trong đó có các quy chế về chống tham nhũng.

Hình 3.7. Đối tượng doanh nghiệp phổ biến các biện pháp chống tham nhũng



24 trong số 35 số doanh nghiệp được phỏng vấn có phổ biến chính sách chống tham nhũng với toàn bộ nhân viên thông qua các khóa đào tạo ngắn hoặc tập huấn khi bắt đầu làm việc.

19 trong số 35 doanh nghiệp có sự ràng buộc về chính sách minh bạch trong kinh doanh với đối tác kinh doanh.

Các doanh nghiệp cho biết, việc đối tác có minh bạch trong kinh doanh hay không là vô cùng quan trọng với họ bởi điều này có thể ảnh hưởng đến toàn bộ chuỗi sản xuất của doanh nghiệp trên phạm vi toàn cầu. Vì vậy, việc rà soát, kiểm tra nhà cung cấp hay đối tác kinh doanh thường niên là một trong những yêu cầu tiên quyết trước khi đối tác tham gia vào chuỗi sản xuất.

Với những đối tác kinh doanh quan trọng và lâu năm, doanh nghiệp có khuyến khích các chương trình hoặc biện pháp chống tham nhũng; nhưng điều này phụ thuộc vào sự chủ động và mong muốn của đối tác.

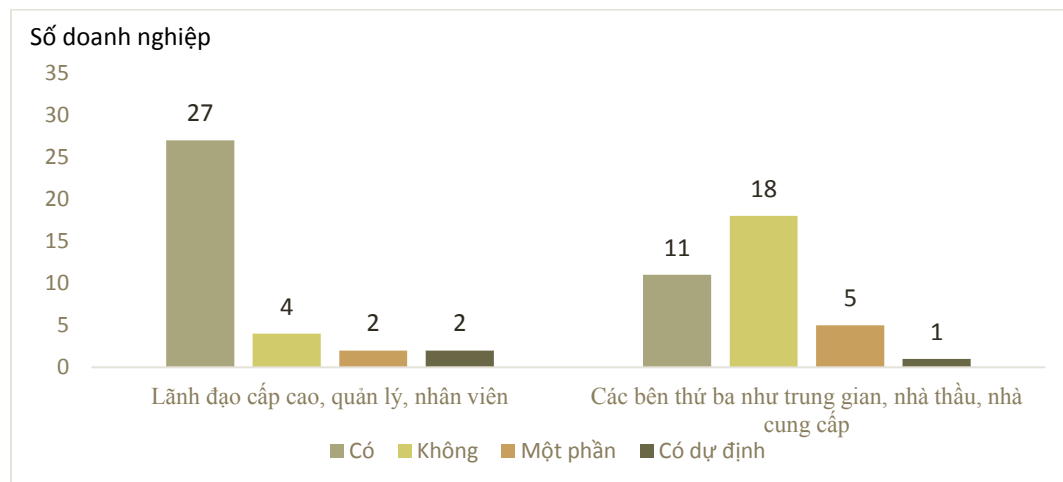
Những doanh nghiệp không phổ biến các biện pháp phòng ngừa tham nhũng tới đối tác (8 trong số 35 doanh nghiệp) cho rằng việc đó là trách nhiệm riêng của mỗi doanh nghiệp, họ không có nguồn lực để kiểm soát. Với việc chỉ hy vọng đối tác tự giác minh bạch nhưng không có biện pháp kiểm soát cụ thể, doanh nghiệp vẫn có thể vướng phải rủi ro tham nhũng liên quan tới giao dịch qua đối tác kinh doanh.

Về tập huấn, đào tạo chính sách PCTN

Với mong muốn phổ cập thông tin cho từng nhóm cán bộ, các khóa đào tạo được thiết kế riêng cho: lãnh đạo cấp cao, quản lý, nhân viên; các bên thứ ba bao gồm trung gian, nhà thầu và nhà cung cấp cũng trải qua các khóa đào tạo do doanh nghiệp cung cấp. Cụ thể:

27 trong số 35 doanh nghiệp khảo sát có thiết kế khóa đào tạo cho cấp lãnh đạo, quản lý và nhân viên. Phần lớn những khóa đào tạo cho cấp lãnh đạo cấp cao được thiết kế dựa theo yêu cầu của công ty mẹ có trụ sở tại nước ngoài và việc tham dự các khóa đào tạo chống tham nhũng là bắt buộc. Đối với cấp quản lý và nhân viên, khóa đào tạo có thể được thực hiện online qua mạng hoặc thông qua các chương trình đào tạo thường niên.

Hình 3.8. Đối tượng của các khóa đào tạo về áp dụng biện pháp chống tham nhũng



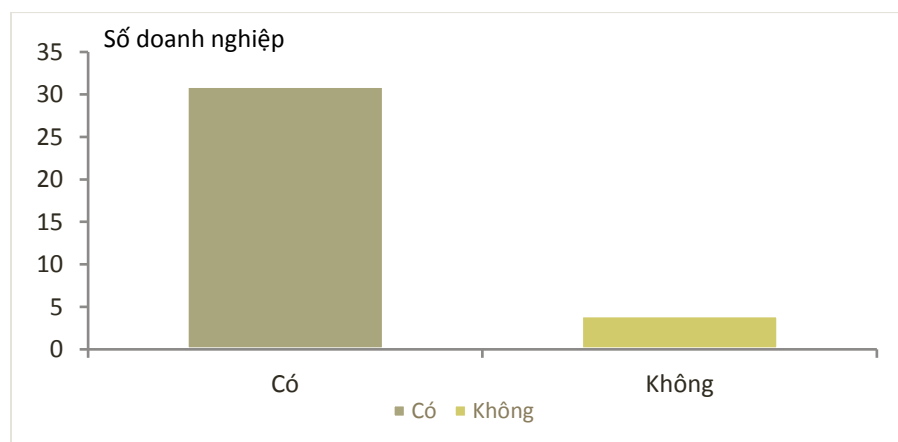
Việc doanh nghiệp cung cấp các khóa đào tạo này cho các đối tác kinh doanh chưa thực sự phổ biến tại Việt Nam. Theo chia sẻ của một doanh nghiệp có cung cấp khóa đào tạo về phòng chống tham nhũng cho nhà cung cấp, đại lý và đối tác kinh doanh, khóa đào tạo được thực hiện qua mạng và tính hiệu quả cũng chưa được kiểm chứng. Doanh nghiệp này cho biết để đảm bảo hiệu quả đào tạo và phối hợp thực thi chính sách phòng chống tham nhũng cần có sự hợp tác và chủ động của đối tác kinh doanh trong việc tổ chức và tham gia các khóa đào tạo về các biện pháp chống tham nhũng nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng cho cán bộ quản lý.

Về chính sách bảo vệ người tố cáo

31 trong số 35 doanh nghiệp áp dụng chính sách này. Theo đó, doanh nghiệp cung cấp các kênh báo cáo an toàn, tin cậy mà thông qua đó người lao động và những người liên quan có thể tố cáo hoặc nói lên mối quan ngại về hành vi tham nhũng mà không gặp nguy cơ bị trả thù. Người tố cáo có thể báo cáo trực tiếp với cán bộ chịu trách nhiệm về pháp lý, tuân thủ, nhân sự hoặc gửi quan ngại qua hòm thư tay hoặc đường dây nóng như điện thoại, email và trang web chuyên biệt do bên thứ ba cung cấp. Có thể nói, đối với doanh nghiệp tham gia phỏng vấn, kênh hỗ trợ báo cáo, tố cáo tham nhũng trong doanh nghiệp đã chứng tỏ được hiệu quả và tạo sự tin cậy cho người lao động muốn tố cáo hành vi tham nhũng, vi phạm pháp luật tại doanh nghiệp.

4 doanh nghiệp còn lại cho biết, họ không có chính sách này vì thấy chưa cần thiết hoặc doanh nghiệp có quy mô nhỏ nên Ban giám đốc vẫn có thể kiểm soát được, tuy nhiên họ cũng cho rằng năm vừa qua doanh nghiệp chưa nhận được tố cáo tham nhũng nào. Việc không có hoặc có quá ít tố cáo vi phạm đặt ra câu hỏi về năng lực nhận diện sự cố hoặc nguy cơ tham nhũng tại những doanh nghiệp chưa có kênh báo cáo, tố cáo tham nhũng, vi phạm chính sách tuân thủ.

Hình 3.9. Số doanh nghiệp áp dụng chính sách bảo vệ người tố cáo



3.2 Một số ví dụ về thực tiễn áp dụng các biện pháp phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp tại Việt Nam

3.2.1 Truyền thông và phổ biến về liêm chính và đạo đức kinh doanh

Hộp 3.1 – Ví dụ minh họa về truyền thông chương trình liêm chính của doanh nghiệp tới các bên liên quan

Một doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh chia sẻ những nguyên tắc kinh doanh lành mạnh, coi trọng đạo đức và trách nhiệm cùng các chính sách cụ thể về phòng chống tham nhũng:

- **Đối tác kinh doanh** (nhà cung cấp, đại lý và trung gian), khách hàng trong nước và quốc tế, người tiêu dùng: qua website, hồ sơ của công ty, phụ lục hợp đồng mẫu.
- **Nhà đầu tư**: qua website, profile của công ty, báo cáo năm.
- **Nhân viên của doanh nghiệp**: đào tạo định hướng khi ký hợp đồng lao động, đào tạo hàng năm.
- **Các tổ chức xã hội và doanh nghiệp khác**: tham gia sáng kiến hành động tập thể và chia sẻ với những doanh nghiệp khác và các tổ chức xã hội các nguyên tắc kinh doanh lành mạnh phi tham nhũng, bộ quy tắc ứng xử với những chính sách, quy trình và công cụ phòng, chống tham nhũng hữu hiệu. Tài trợ và tham gia tổ chức các sự kiện truyền thông khuyến khích cộng đồng (thanh niên) ủng hộ giá trị liêm chính, trung thực.
- **Báo chí**: coi trọng việc xử lý nhanh gọn với thành ý, cầu thị đối với các vụ việc có dấu hiệu liên quan đến tham nhũng. Đảm bảo hiệu quả của kênh báo cáo, tố cáo nội bộ đối với các trường hợp có dấu hiệu tham nhũng, giúp doanh nghiệp nắm bắt được vấn đề khi mới nảy sinh và xử lý nhanh gọn đúng quy định với thành ý và theo hướng cầu thị sửa sai, tránh để vấn đề không được xử lý đúng, trở nên nghiêm trọng, sai lệch và lan rộng qua báo chí ra ngoài phạm vi kiểm soát gây ảnh hưởng đến danh tiếng và uy tín của doanh nghiệp.

Để tăng cường uy tín về liêm chính, doanh nghiệp nêu trên đã triển khai đồng bộ *chương trình liêm chính doanh nghiệp với các cấu phần quan trọng*:

- Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp bao gồm chức năng quản lý tuân thủ, liêm chính
- Nhận diện và đánh giá rủi ro
- Các chính sách, thủ tục để quản trị rủi ro
- Đào tạo nhân viên và truyền thông nội bộ
- Quản lý mua sắm, hợp đồng
- Quản lý đối tác kinh doanh
- Kênh báo cáo, tố cáo

Việc xây dựng triển khai các cấu phần trên được thực hiện qua các bước sau:

1. Thể hiện cam kết và ủng hộ của lãnh đạo doanh nghiệp
2. Đánh giá rủi ro
3. Thiết kế chính sách, quy trình quản lý rủi ro
4. Thực hiện chính sách, đào tạo, truyền thông
5. Giám sát, đánh giá hiệu quả và cải thiện
6. Báo cáo

27/35 công ty được phỏng vấn cho rằng họ xây dựng danh tiếng uy tín tốt với đối tác và khách hàng nhờ văn hóa kinh doanh không tham nhũng, hối lộ.

Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt, đối tác và người tiêu dùng ngày càng quan tâm và nhạy cảm hơn với những thông tin về hành vi ứng xử của doanh nghiệp trong khi đó phương tiện truyền thông bao gồm cả mạng xã hội truyền tải rất nhanh chóng những vụ việc liên quan đến đạo đức kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy doanh nghiệp ngày càng chú trọng hơn tới xây dựng và bảo vệ danh tiếng, uy tín và coi đó là lợi thế quan trọng để cạnh tranh. Đặc biệt đối với những doanh nghiệp bán sản phẩm dịch vụ tiêu dùng, hoặc những sản phẩm mà khách hàng khó có thể kiểm tra chất lượng trước khi mua và sử dụng (ví dụ như dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ ngân hàng tài chính) thì danh tiếng và uy tín là yếu tố quan trọng sống còn, ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn mua sắm của khách hàng⁷⁷. Chỉ một thông tin về hành vi xấu của doanh nghiệp (ví dụ như hối lộ nhân viên siêu thị để đưa hàng vào bán trong siêu thị, hoặc hối lộ cán bộ kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm) có thể gây hiệu ứng tiêu cực làm giảm đáng kể, thậm chí hủy hoại nghiêm trọng niềm tin của người tiêu dùng vào chất lượng sản phẩm cũng như cảm giác lòng tin và sự yêu thích của họ vào hình ảnh của doanh nghiệp bị phản bội.

Các đối tác kinh doanh cả trong nước và quốc tế, nhà đầu tư, người lao động, báo chí, cộng đồng và các tổ chức xã hội cũng thường xuyên đánh giá uy tín và lịch sử hành vi kinh doanh của doanh nghiệp trước khi đưa ra những quyết định quan trọng.

Bảng 3.1 **Mối quan tâm của các bên liên quan tới năng lực phòng chống tham nhũng của doanh nghiệp**

Bên liên quan	Lý do e ngại doanh nghiệp tham nhũng, hối lộ
Khách hàng là doanh nghiệp quốc tế	Luật pháp quốc tế quy định nghiêm và xử phạt nặng hành vi tham nhũng, hối lộ của doanh nghiệp. Phạm vi quy định của luật quốc tế bao gồm cả việc rà soát, đánh giá kỹ lưỡng đối tác kinh doanh của doanh nghiệp để đảm bảo các đối tác của doanh nghiệp cũng có biện

⁷⁷ Kết quả từ nội dung phỏng vấn một doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

	pháp phòng, chống tham nhũng tương đồng với những biện pháp do chính doanh nghiệp đang triển khai. Vì vậy các khách hàng là doanh nghiệp, quốc tế đòi hỏi doanh nghiệp đối tác phải chứng minh cam kết và có biện pháp phòng, chống tham nhũng hiệu quả trước khi quyết định thiết lập mối quan hệ kinh doanh.
Nhà đầu tư vốn	Tương tự như các khách hàng quốc tế, các nhà đầu tư vốn quan tâm tới khả năng sinh lời và phát triển bền vững của doanh nghiệp để bảo đảm lợi nhuận và an toàn vốn đầu tư. Các nhà đầu tư quốc tế phải tuân thủ luật pháp và quy định về đầu tư có trách nhiệm, với mức phạt nặng và nguy cơ ảnh hưởng uy tín và danh tiếng xây dựng nhiều năm. Vì vậy họ rất quan tâm và rà soát, đánh giá kỹ lưỡng hành vi kinh doanh của doanh nghiệp trước khi quyết định đầu tư vốn.
Báo chí	Hành vi kinh doanh của doanh nghiệp đang và sẽ là chủ đề nóng được xã hội và nhiều độc giả quan tâm. Báo chí bao gồm cả mạng xã hội vì vậy rất nhanh nhạy trong việc ghi nhận, điều tra và truyền tải thông tin về chủ đề này tới số lượng lớn độc giả. Qua đó tạo sức ảnh hưởng rất lớn tới danh tiếng và uy tín của doanh nghiệp.
Nhân viên của doanh nghiệp	Lo ngại khả năng công việc và thu nhập mất ổn định khi doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi các án phạt liên quan đến hành vi tham nhũng, hối lộ bị phát hiện. Tâm lý bất bình, giảm nhiệt tình, giảm sáng tạo và hiệu suất làm việc khi chứng kiến những nhân sự liên quan tới hối lộ, tham nhũng được đánh giá cao hơn những nhân viên làm việc bằng năng lực thực sự.
Người tiêu dùng	Muốn mua sản phẩm chất lượng tốt. Trong khi đó, doanh nghiệp tham nhũng, hối lộ tiềm ẩn những rủi ro như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ thiếu trung thực với đối tác và lừa dối người tiêu dùng. - Nguy cơ sử dụng tiền hối lộ để vượt qua những quy định, tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm gây ảnh hưởng tới sức khỏe người tiêu dùng sản phẩm. - Chi phí hối lộ cộng vào giá thành làm sản phẩm đắt hơn giá trị thực sự. - Hành vi cố sù cho làm ăn khuất tất, gian dối để cao lợi ích cá nhân và chà đạp lợi ích của xã hội, của người tiêu dùng.
Các tổ chức xã hội	Những doanh nghiệp tham nhũng, hối lộ làm suy yếu tính liêm chính trong xã hội. Những doanh nghiệp tham nhũng cố sù cho văn hóa kinh doanh ngắn hạn, làm lợi cá nhân bằng mọi giá, coi nhẹ lợi ích của cộng đồng.

Các doanh nghiệp tham gia phỏng vấn cho biết, thiết lập uy tín đối với doanh nghiệp đã là điều khó, giữ vững uy tín và niềm tin của khách hàng mới là thách thức thực sự. Doanh nghiệp cần quyết tâm dành ra nguồn lực nhất định để vận hành những biện pháp phòng ngừa tham nhũng. Theo những doanh nghiệp này, họ phải có thời gian chuẩn bị, tìm tòi và đánh giá phương thức tiếp cận các biện pháp và mức độ phù hợp với quy mô và văn hóa doanh nghiệp.

Cụ thể, với nhân sự kiêm nhiệm (Quản lý chương trình liên chính doanh nghiệp kết hợp với Quản lý nhân sự hay pháp chế), thời gian để triển khai toàn bộ các biện pháp kéo dài từ 3 – 6 tháng đối với doanh nghiệp nhỏ và 6 -12 tháng đối với doanh nghiệp quy mô vừa trở lên. Nếu đơn vị thiết lập riêng bộ phận quản lý liên chính doanh nghiệp, thời gian có thể được rút ngắn và đạt hiệu quả cao hơn khi chức năng quản lý chương trình liên chính được bố trí độc lập với các bộ phận vận hành. Việc thiết kế chương trình, hệ thống các biện pháp phòng ngừa tham nhũng hoàn chỉnh và hiệu quả cần thời gian để thay đổi văn hóa kinh doanh của doanh nghiệp, tuy nhiên, áp dụng từng bước những chính sách phòng ngừa đối với những lĩnh vực khả thi như quản lý xung đột lợi ích, mua sắm đầu vào của doanh nghiệp, quản lý nguồn nhân lực, tiếp nhận tố cáo vi phạm là một khởi đầu tốt cho doanh nghiệp.

Doanh nghiệp tin tưởng rằng, kinh doanh lành mạnh, liên chính giúp xây dựng và bảo vệ danh tiếng và uy tín của họ.

3.2.2 Định kỳ đánh giá rủi ro tham nhũng

Hộp 3.2 Ví dụ minh họa về quản lý rủi ro liên chính trong doanh nghiệp

Chính sách quản lý rủi ro của doanh nghiệp A bao gồm khâu rà soát nhận diện rủi ro tham nhũng. Văn hóa nhận diện và phòng ngừa tham nhũng được toàn bộ nhân viên của doanh nghiệp nhận thức và thực hiện đều đặn định kỳ. Giám đốc doanh nghiệp luôn coi trọng khâu đánh giá rủi ro làm cơ sở cho việc phòng ngừa tham nhũng và luôn ủng hộ những sáng kiến, giải pháp giúp phát hiện và giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp.

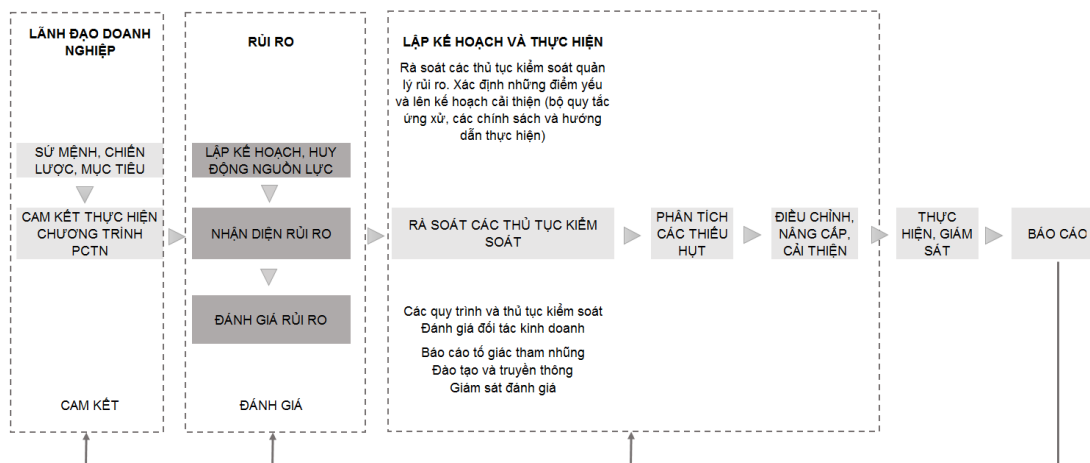
Giám đốc doanh nghiệp là người chỉ đạo việc rà soát rủi ro và giao nhiệm vụ cụ thể cho Trưởng bộ phận quản lý rủi ro. Việc rà soát rủi ro được thực hiện ở các cấp độ rủi ro: quốc gia, ngành và quy trình hoạt động kinh doanh. Ở cấp độ quy trình hoạt động, từng khâu trong quy trình được rà soát nhằm xác định những nguy cơ thiếu tuân thủ, xung đột lợi ích, câu kết, hối lộ vv... có thể xảy ra. Sau khi đã nhận diện được các nguy cơ, bộ phận quản lý rủi ro sẽ phân tích và làm việc với từng bộ phận liên quan để đánh giá tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ hiện tại và nếu cần thiết, đề xuất tăng cường biện pháp kiểm soát và giảm thiểu rủi ro để đưa vào cập nhật trong các chính sách, quy trình quản lý liên quan của doanh nghiệp.

22/35 doanh nghiệp được phỏng vấn có áp dụng chương trình phòng, chống tham nhũng trong kinh doanh cho biết: họ thực hiện đánh giá rủi ro hàng năm hoặc 2 năm một lần. Các công ty này cho rằng việc rà soát chương trình phòng ngừa tham nhũng và đánh giá rủi ro tham nhũng trong các quy trình hoạt động kinh doanh giúp công ty nhận biết được nhiều nguy cơ tiềm tàng gây thiệt hại về danh tiếng, pháp lý, tài chính, đồng thời giúp doanh nghiệp nhận ra những điểm bất hợp lý trong công tác tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhờ đó doanh nghiệp có thể chủ động cải tiến hệ thống và quy trình quản lý, kinh doanh.

Một điểm đáng lưu ý đó là: mặc dù các rủi ro liên quan đến chi phí bồi trơn khi làm thủ tục với các cơ quan nhà nước đã được nhận diện, nhưng chỉ một số ít các doanh nghiệp thực hiện các biện pháp cụ thể hữu hiệu để phòng ngừa như: tham khảo kinh nghiệm các doanh nghiệp trong ngành, đặt hàng hoặc làm thủ tục sớm để dự phòng cho thời gian những nhiễu kéo dài, đăng ký áp dụng quy chế đơn giản hóa thủ tục thông quan của nhà nước dành cho những doanh nghiệp có doanh số/giá trị hàng hóa xuất khẩu cao (ví dụ trên 200 triệu USD/năm) vv... Một số các doanh nghiệp chịu sức ép tuân thủ luật phòng, chống tham nhũng của nước ngoài vẫn đang giảm thiểu rủi ro thông qua việc thuê công ty dịch vụ thực hiện các thủ tục có nguy cơ cao về chi phí bồi trơn như thông quan, xin giấy phép, mua sắm nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất vv... dù xét về mặt năng lực kỹ thuật, doanh nghiệp hoàn toàn có thể tự thực hiện những công việc này. Kết quả phỏng vấn một số doanh nghiệp cung cấp dịch vụ làm thủ tục, xin giấy phép cho thấy chi phí bồi trơn rất phổ biến ở Việt Nam.

Việc rà soát rủi ro cũng được doanh nghiệp thực hiện khi lựa chọn đối tác kinh doanh như đại lý, đại diện, trung gian và nhà cung cấp, giúp giảm thiểu nguy cơ vướng vào những vấn đề tham nhũng của đối tác gây tổn hại đến uy tín của công ty cũng như chất lượng và tiến độ thực hiện các điều khoản hợp đồng.

Hình 3.10 Đánh giá rủi ro trong quy trình xây dựng và vận hành chương trình phòng ngừa tham nhũng của doanh nghiệp (Nguồn: Diagnosing bribery risk (TI-UK))



Trong bối cảnh tự do hóa thương mại và hội nhập, môi trường kinh doanh ở Việt Nam được đánh giá là tiềm năng, hấp dẫn nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro như: khung pháp luật và cơ chế quản lý còn nhiều lỗ hổng tạo cơ hội cho công chức tham nhũng, những nhiễu và tạo điều kiện để các doanh nghiệp có văn hóa kinh doanh ngăn chặn, “chộp giật”, tuân thủ kém lợi dụng những bất cập này để cạnh tranh không lành mạnh, vi phạm pháp luật, vượt qua sự kiểm soát của các cơ quan chức năng, thực hiện những dự án không khả thi, sản xuất và tiêu thụ hàng hóa kém chất lượng gây ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp khác và cộng đồng.

Với những doanh nghiệp có định hướng kinh doanh lành mạnh, liêm chính, chúng tôi nhận thấy họ có hệ thống quản trị rủi ro khá toàn diện với việc định kỳ rà soát, đánh giá rủi ro ở tất cả các bộ phận, quy trình hoạt động kinh doanh. Việc rà soát rủi ro tham nhũng, hối lộ tới từng bộ phận, trong từng quy trình hoạt động kinh doanh giúp doanh nghiệp nhận diện được cả những rủi ro liên quan khác về pháp lý và những bất cập trong tổ chức hoạt động kinh doanh giúp nâng cao hiệu suất, hiệu quả hoạt động.

Doanh nghiệp cho rằng thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro tham nhũng để kinh doanh lành mạnh, liêm chính góp phần giảm bớt rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

3.2.3 Xây dựng môi trường làm việc minh bạch, liêm chính

Hộp 3.3 Nhận định của doanh nghiệp về tác động của môi trường làm việc liêm chính tới năng suất làm việc của người lao động

Doanh nghiệp B hoạt động trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ cao cho biết ưu tiên hàng đầu của doanh nghiệp là tạo môi trường lao động khuyến khích sự chủ động, sáng tạo của nhân viên. Doanh nghiệp B cho rằng việc thực thi nhất quán chính sách liêm chính của doanh nghiệp giúp người lao động hiểu rõ thông điệp và mong đợi của lãnh đạo công ty về sự chính trực khi thực hiện nhiệm vụ, cảm thấy được động viên khuyến khích làm việc, cạnh tranh lành mạnh với đồng nghiệp bằng năng lực và sức sáng tạo, được đối xử và đánh giá thưởng phạt công bằng.

Công nghệ, sáng tạo và năng suất lao động thuộc nhóm những yếu tố quan trọng hàng đầu để cạnh tranh thành công trên thị trường. Những doanh nghiệp duy trì được hàm lượng sáng tạo cao trong sản phẩm, dịch vụ và giải pháp chiếm lợi thế cạnh tranh đáng kể cũng như tăng khả năng tồn tại và phát triển. Báo cáo Việt Nam tầm nhìn 2035 đã nêu ra nguy cơ nghiêm trọng của doanh nghiệp Việt Nam đó là tốc độ tăng năng suất lao động, số lượng sáng chế rất thấp so với các nước trong khu vực. Những doanh nghiệp ỷ lại vào tham nhũng, lót tay, hối lộ để hoạt động kinh doanh với tiêu chuẩn thấp, sản phẩm, dịch vụ chất lượng kém ngày càng có ít cơ hội thành

công khi các tiêu chuẩn được nâng cao, người mua có nhiều lựa chọn và yêu cầu khắt khe hơn về chất lượng⁷⁸.

22/35 doanh nghiệp được phỏng vấn cho rằng duy trì môi trường lao động liêm chính, minh bạch, không tham nhũng, hối lộ sẽ giúp người lao động yên tâm làm việc, phát huy năng lực cá nhân, giúp đẩy mạnh hiệu suất và hiệu quả làm việc.

Kết quả khảo sát 2012 của Thanh tra Chính phủ và Ngân hàng Thế giới (WB) cũng cho thấy thực tế những doanh nghiệp ít tham nhũng có tốc độ tăng hiệu suất hoạt động cao hơn những doanh nghiệp sử dụng chi phí bôi trơn, hối lộ để vận hành hoạt động kinh doanh. Doanh nghiệp cho rằng kinh doanh lành mạnh, liêm chính giúp tăng sự chủ động, sáng tạo và năng suất làm việc của nhân viên.

3.2.4 Áp dụng các biện pháp PCTN trong kinh doanh để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của đối tác quốc tế

Hộp 3.4 Ví dụ minh họa nhận thức của doanh nghiệp yêu cầu liêm chính trong kinh doanh khi hợp tác với đối tác nước ngoài

Doanh nghiệp C cung cấp dịch vụ cho nhiều khách hàng quốc tế và trong quá trình đàm phán thường xuyên trải qua quá trình đánh giá năng lực, biện pháp phòng, chống tham nhũng do khách hàng thực hiện trước khi ký hợp đồng.

Khi Doanh nghiệp C mua bán sản phẩm nhập một chi nhánh ở một quốc gia phát triển có quy định pháp luật chặt chẽ về phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, họ đã phải đáp ứng các quy định về phòng chống tham nhũng trong quá trình đàm phán, chuẩn bị và hoàn tất thủ tục mua chi nhánh tại nước ngoài.

18/35 doanh nghiệp được phỏng vấn cho biết khách hàng và đối tác kinh doanh ở các quốc gia phát triển yêu cầu rất rõ ràng, cụ thể về tính liêm chính và năng lực phòng ngừa tham nhũng của đối tác kinh doanh. Đáp ứng được các tiêu chí này tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi kinh doanh với các đối tác nước ngoài.

⁷⁸ Ngân Hàng Thế Giới Và Bộ Kế Hoạch Đầu Tư, “Việt Nam 2035- Hướng Tới Thịnh Vượng, Sáng Tạo, Công Bằng Và Dân Chủ”, 2016.

Doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh ngày càng chặt chẽ của pháp luật phòng, chống tham nhũng của các quốc gia phát triển. Theo đó, các công ty đa quốc gia yêu cầu các đối tác kinh doanh phải có biện pháp/chính sách phòng, chống tham nhũng tương đồng với những biện pháp mà họ đang áp dụng. Các đối tác kinh doanh bao gồm đại lý, đại diện, nhà thầu phụ, đối tác hợp tác liên doanh, nhà cung cấp, công ty nhận vốn đầu tư vv... nếu không đáp ứng được những yêu cầu về chính sách/biện pháp phòng, chống tham nhũng, sẽ phải đối mặt nguy cơ bị từ chối hoặc chấm dứt quan hệ kinh doanh.

Để có thể hợp tác, kinh doanh với các công ty nước ngoài, doanh nghiệp sẽ phải trải qua quá trình đánh giá, rà soát kỹ lưỡng bao gồm cả lịch sử dính dáng tới tham nhũng, cũng như năng lực phòng, chống tham nhũng thể hiện bằng chính sách và quy trình quản lý rủi ro tham nhũng, hồi lộ trước khi thiết lập quan hệ kinh doanh. Các doanh nghiệp sau khi vượt qua quy trình rà soát, đánh giá nghiêm ngặt sẽ được đào tạo để nắm rõ chính sách kinh doanh không hồi lộ và được yêu cầu ký văn bản cam kết tuân thủ chính sách kinh doanh không hồi lộ. Đối tác nước ngoài kiểm tra, giám sát việc tuân thủ của đối tác kinh doanh, trong trường hợp phát hiện vấn đề không tuân thủ chính sách kinh doanh không tham nhũng, hồi lộ, hợp đồng luôn có điều khoản cho phép đối tác nước ngoài rút khỏi mối quan hệ kinh doanh.

Doanh nghiệp nên chủ động xây dựng và vận hành chương trình liêm chính doanh nghiệp bao gồm các chính sách về quà tặng, chiêu đãi, mua sắm đấu thầu, chi phí bôi trơn, xung đột lợi ích, trao tặng từ thiện, báo cáo tố cáo những trường hợp không tuân thủ để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của đối tác kinh doanh quốc tế.

Doanh nghiệp cho rằng, kinh doanh lành mạnh, liêm chính giúp doanh nghiệp thâm nhập thị trường quốc tế.

3.2.5 Quản lý nguy cơ xung đột lợi ích

Xung đột lợi ích là tình huống xảy ra tại nơi mà một quản lý hoặc nhân viên phải đương đầu với việc lựa chọn giữa nhiệm vụ và các yêu cầu của vị trí công tác với lợi ích cá nhân của riêng họ.

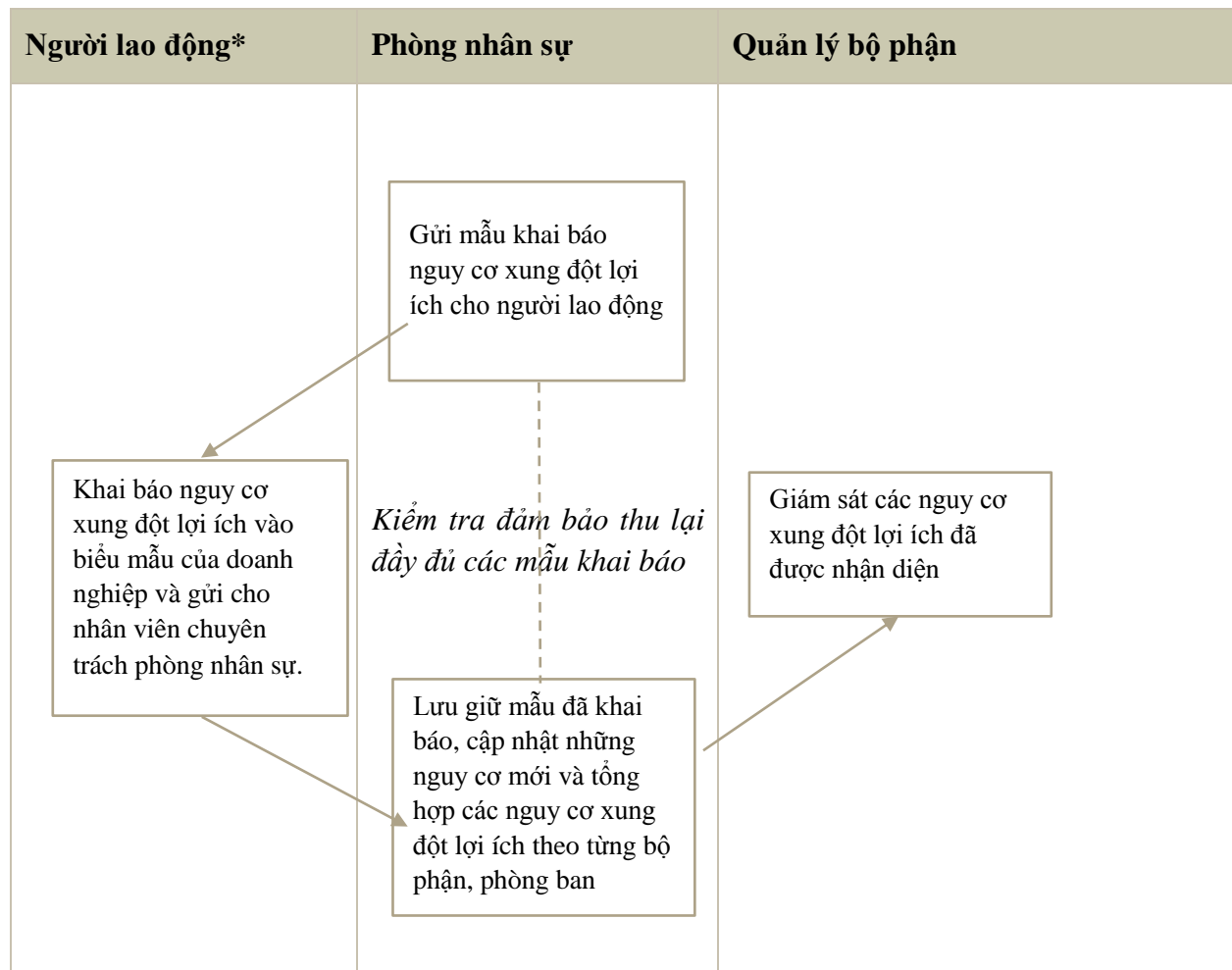
22/35 doanh nghiệp được phỏng vấn có chính sách về chống xung đột lợi ích, tất cả đều tin rằng phòng ngừa hiệu quả những nguy cơ xung đột lợi ích giúp cho doanh nghiệp tiết kiệm chi phí, giảm rủi ro tham nhũng và tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh

22/35 doanh nghiệp được phỏng vấn có điều khoản về xung đột lợi ích trong hợp đồng lao động với nhân viên. Tuy con số này chưa nhiều nhưng các doanh nghiệp triển khai rất chặt chẽ các quy định nhân viên phải định kỳ (hàng năm) công khai với doanh nghiệp những nguy cơ tiềm tàng xung đột giữa lợi ích cá nhân và lợi ích của doanh nghiệp. Một số ít doanh nghiệp yêu cầu

nhân viên phụ trách đấu thầu mua sắm phải công khai nguy cơ xung đột lợi ích trước khi tham gia đấu thầu mua sắm có giá trị trên 100 triệu đồng.

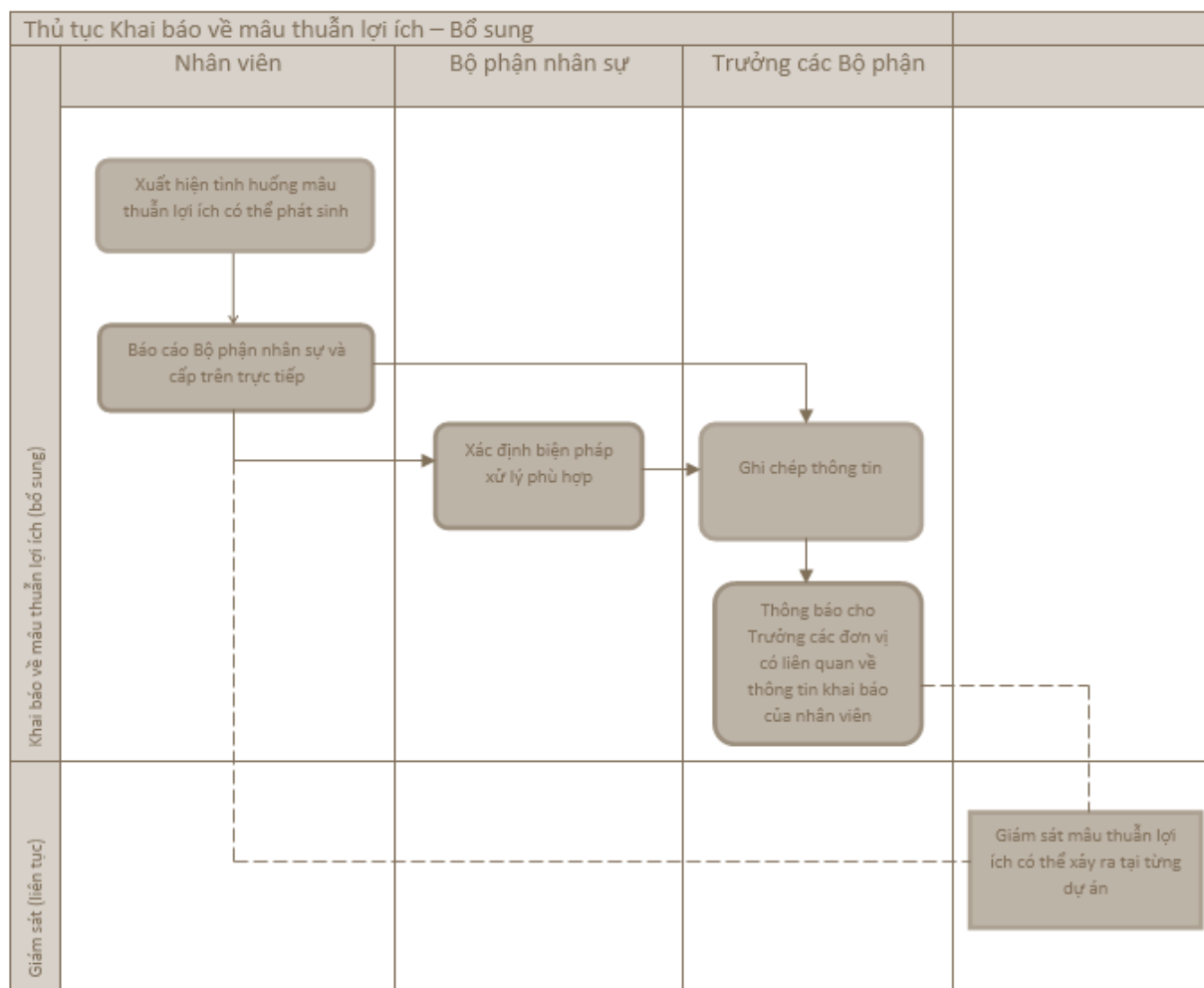
Một số doanh nghiệp đã ban hành cụ thể Quy trình công khai và giám sát nguy cơ xung đột lợi ích; Thủ tục thông báo bổ sung khi có xung đột lợi ích mới phát sinh; và Mẫu khai báo nguy cơ xung đột lợi ích của người lao động.

Hình 3.11 Quy trình cơ bản về công khai và giám sát nguy cơ xung đột lợi ích tại một số doanh nghiệp



* Khai báo khi ký hợp đồng lao động, khai báo định kỳ hàng năm và trước khi tham gia đấu thầu mua sắm có giá trị trên 100 triệu đồng.

Hình 3.12 Thủ tục thông báo bổ sung khi có xung đột lợi ích mới phát sinh



Bảng 3.2 Mẫu khai báo nguy cơ xung đột lợi ích của người lao động

Kính gửi: Tổng giám đốc

Tôi xin khai báo trong bảng dưới đây những lợi ích liên quan đến tôi trong thời gian bắt đầu từ ngày Tôi cam kết sẽ khai báo bổ sung đối với bất kỳ lợi ích nào có nguy cơ xung đột với lợi ích của công ty phát sinh sau ngày này.

(Lưu ý: Xin vui lòng điền ‘KHÔNG’ đối với hạng mục có liên quan nếu bạn không quan tâm. Ngoài nhận xét, xin vui lòng ghi rõ nếu anh/chị muốn trao đổi với cán bộ phụ trách Tuân thủ hoặc Trưởng phòng Nhân sự trước khi khai báo)

1	Hoạt động kinh doanh của tôi (ngoài hoạt động kinh doanh của công ty)	
2	Lợi ích và các hoạt động của gia đình tôi có nguy cơ xung đột với lợi ích của công ty	
3	Những chức vụ tôi đang đảm nhận bên ngoài công ty	
4	Tự nhận xét khác	

Chữ ký : _____

Họ và tên : _____

Ngày : _____

*Xin vui lòng gửi Tờ khai đã ký cho Trưởng phòng nhân sự, chậm nhất vào ngày

Doanh nghiệp cho rằng, phòng ngừa và quản lý nguy cơ xung đột lợi ích giúp doanh nghiệp giảm thiệt hại và tăng hiệu quả kinh doanh.

3.2.6 Sử dụng kênh trợ giúp, tiếp nhận thông tin, tố cáo liên quan đến tham nhũng

26/35 doanh nghiệp có thiết lập và duy trì đường dây nóng “Hot Line”, email, trang web, hộp thư góp ý, báo cáo trực tiếp giữa người tố cáo và lãnh đạo doanh nghiệp, một số doanh nghiệp tổ chức buổi tiếp xúc ngẫu nhiên, hoặc định kỳ giữa lãnh đạo doanh nghiệp và người lao động (gặp mặt đối thoại hoặc ăn trưa giữa lãnh đạo doanh nghiệp và nhân viên) để thu nhận phản hồi từ người lao động vv... các kênh tố cáo này do chính doanh nghiệp thiết kế hoặc thuê một nhà cung cấp dịch vụ độc lập (phần lớn là nước ngoài) vận hành.

Các doanh nghiệp trên cho biết việc thiết kế kênh báo cáo tố cáo cần phù hợp với nhóm người lao động ở các cấp bậc, trình độ khác nhau trên cơ sở tìm hiểu và xác định được các nhóm lao động khác nhau có nhận thức, quan điểm và cách thức báo cáo, tố cáo khác nhau, như vậy mới khuyến khích người lao động báo cáo, tố cáo sai phạm. Doanh nghiệp nên sử dụng những kênh báo cáo phù hợp với niềm tin và áp dụng những cách thức khiến người lao động cảm thấy an tâm và thuận tiện nhất.

Người tố cáo sai phạm, tham nhũng thường bị nhìn nhận sai lệch là người gây “mất đoàn kết”, “trâu buộc ghét trâu ăn”, người “thóc mách chuyện không phải của mình”, người “vạch áo cho

người xem lung”, người “gây rắc rối” vv... Trên thực tế, các doanh nghiệp được phỏng vấn cho rằng việc khuyến khích nhân viên báo cáo, tố cáo sai phạm, tham nhũng đảm bảo sự công bằng lành mạnh của môi trường lao động để nhân viên phấn đấu cạnh tranh lành mạnh trong công việc, mặt khác tạo cơ hội cho doanh nghiệp kịp thời phát hiện được sai phạm để có biện pháp xử lý và điều chỉnh cần thiết trước khi vấn đề trở nên nghiêm trọng, lan rộng và khó kiểm soát.

Các doanh nghiệp nói trên cho rằng kênh báo cáo tố cáo của doanh nghiệp đem lại hiệu quả cao vì đảm bảo được các yếu tố quan trọng sau:

- Chính sách báo cáo tố cáo dễ hiểu, dễ thực hiện.
- Đảm bảo người lao động hiểu rõ quyền hạn của mình trong việc báo cáo tố cáo.
- Bảo vệ người tố cáo khỏi bị lộ danh tính, tránh các hành động trả thù của người bị tố cáo.
- Kênh báo cáo tố cáo đa dạng, phù hợp với nhiều nhóm người lao động khác nhau về chức vụ, vị trí và nhận thức, thói quen báo cáo.
- Có kỹ thuật phân tích các tố cáo “thật” với các tố cáo “không thật” và có biện pháp phù hợp với từng loại tố cáo. Những tố cáo “không thật” cũng có giá trị nhất định trong công tác quản trị doanh nghiệp. Ví dụ: số lượng bất thường của những tố cáo mang tính vu khống, bịa đặt có thể là dấu hiệu của mất đoàn kết nội bộ, thiếu công bằng trong các chính sách của doanh nghiệp, số liệu này giúp doanh nghiệp tìm hiểu sâu hơn về những chính sách liên quan của mình và có cải thiện kịp thời.

Doanh nghiệp cho rằng, các kênh trợ giúp, tiếp nhận thông tin, tố cáo liên quan đến tham nhũng giúp doanh nghiệp nhanh chóng phát hiện và giải quyết những vấn đề nghiêm trọng liên quan tới tham nhũng để giảm thiểu hậu quả, thiệt hại về tài chính, nhân lực và danh tiếng.

CHƯƠNG 4

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

4.1 Kết luận chung

Trên cơ sở phân tích các tiêu chuẩn quốc tế và dựa trên khuôn khổ luật pháp trong nước, cùng một số ví dụ được rút ra từ khảo sát thực địa, các kết quả chính của nghiên cứu đã đưa ra một số bằng chứng cho thấy các biện pháp PCTN trong kinh doanh có thể được áp dụng tại Việt Nam. Những bằng chứng đó cũng là động lực cho các doanh nghiệp khác nhận thức được tầm quan trọng và cách thức hành động PCTN để tăng cường hiệu quả kinh doanh hướng tới môi trường kinh doanh lành mạnh cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Xây dựng một thể thống doanh nghiệp liêm chính, một nền kinh tế minh bạch, phòng chống tham nhũng là hướng đi đúng cho một nền kinh tế như Việt Nam, hướng tới nâng cao sức cạnh tranh quốc tế và khả năng sáng tạo, cải thiện năng lực hội nhập vào nền kinh tế thế giới. Các khảo sát như Chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Hiệu quả quản trị, hành chính công (PAPI) và Nghiên cứu xã hội 2016 của Ngân hàng Thế giới đều chỉ ra lợi ích dài hạn của việc áp dụng các biện pháp phòng chống tham nhũng trong kinh doanh đối với hiệu quả kinh tế; quan hệ với đối tác và khách hàng. Doanh nghiệp được tôn trọng và tin cậy hơn nhờ có uy tín và tính minh bạch; qua đó giảm rủi ro, giảm chi phí, tiết kiệm nguồn lực và tăng hiệu quả kinh doanh.

Các doanh nghiệp được phỏng vấn đều cho rằng luật pháp cần được chi tiết, rõ ràng và cụ thể hóa, xóa bỏ những điều khoản mập mờ, hoặc một khung quyền lực lớn cho người thực thi trong bối cảnh việc phát hiện và xử lý doanh nghiệp tham nhũng thông qua vận động chính sách, tham nhũng của những nhóm lợi ích, nhóm thân hữu còn chưa có giải pháp hữu hiệu. Điều này giúp hạn chế việc một bộ phận cán bộ công chức lạm dụng vị trí của mình để nhũng nhiễu doanh nghiệp. Hiện nay, tình trạng doanh nghiệp phải sử dụng dịch vụ qua một công ty trung gian trở nên phổ biến, phản ánh tình trạng tràn lan của tham nhũng vặt. Việc cải thiện chất lượng của các quy định pháp luật sẽ tạo được bước đột phá giúp tăng cường hiệu quả cải cách hành chính công, tháo bỏ rào cản cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và hỗ trợ nỗ lực khởi nghiệp của cộng đồng doanh nghiệp đang được Chính phủ kêu gọi đẩy mạnh.

Nhận thức được tác hại của tham nhũng và lợi ích dài hạn của các biện pháp chống tham nhũng hướng tới minh bạch trong kinh doanh, các doanh nghiệp được phỏng vấn cho thấy họ sử dụng các biện pháp này ở các mức độ khác nhau. Tuy phần lớn doanh nghiệp có bộ quy tắc ứng xử; và có điều khoản phòng chống tham nhũng khi ký kết hợp đồng với đối tác kinh doanh, nhưng không phải doanh nghiệp nào cũng thực hiện đào tạo và giám sát đối tác kinh doanh hay nhà cung cấp về việc thực hiện các điều khoản phòng chống tham nhũng.

Về phòng, chống tham nhũng nội bộ, phần lớn doanh nghiệp tham gia phỏng vấn đều nhận thấy lợi ích của việc phòng chống tham nhũng trong phạm vi nội bộ hoạt động của doanh nghiệp và tiến hành áp dụng các biện pháp chống tham nhũng nội bộ thông qua việc thiết lập các quy định về chống xung đột lợi ích, chống hối lộ trong nội bộ doanh nghiệp, thiết lập kênh báo cáo, tố cáo vi phạm, tham nhũng và yêu cầu các nhà cung cấp và đối tác tôn trọng tuân thủ những quy định này của doanh nghiệp. Tuy nhiên, điều này mới chỉ diễn ra đối với những doanh nghiệp có ý thức rõ ràng về sự cần thiết của liêm chính trong kinh doanh. Đối với nhiều doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp nhỏ và vừa, việc học hỏi các kinh nghiệm phòng chống tham nhũng nội bộ và sự nỗ lực của cơ quan công quyền, vẫn là một nhu cầu lớn.

Hướng tới minh bạch trong kinh doanh không chỉ dừng lại ở cam kết của ban giám đốc mà còn phải được lan tỏa tới các bên liên quan như nhân viên, đối tác, nhà đầu tư và nhà cung cấp của doanh nghiệp. Vì vậy, một số doanh nghiệp đã chủ động tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn định kỳ, dành riêng cho từng đối tượng nhằm nhắc nhở và cập nhật tới nhân viên và các đối tác kinh doanh những quy định và biện pháp phòng chống tham nhũng.

4.2 Khuyến nghị

Một cách tổng quát, các doanh nghiệp cần ý thức rõ về tác động tiêu cực dài hạn và tổng thể của tham nhũng, từ những hành động nhỏ nhất của tham nhũng vặt. Từ đó, doanh nghiệp phòng chống rủi ro tham nhũng trong kinh doanh thông qua tăng cường chuẩn mực đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp, quản trị tốt, tăng cường thực thi hiệu quả kiểm soát nội bộ, phòng ngừa tham nhũng, đào tạo hướng dẫn và hỗ trợ nhân viên. Doanh nghiệp với điều kiện nguồn lực khác nhau có thể xác định phạm vi ưu tiên phù hợp để tăng cường phòng chống rủi ro tham nhũng.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp cần ý thức rằng để tích cực, chủ động tham gia PCTN, doanh nghiệp cần triển khai đồng bộ các biện pháp ở cả ba cấp độ: *trong nội bộ doanh nghiệp, với các đối tác kinh doanh và tham gia các hành động tập thể.*

Dựa trên các kết quả chính của nghiên cứu, phù hợp với mục đích và phạm vi nghiên cứu, báo cáo này tập trung đưa ra các khuyến nghị cụ thể sau đối với doanh nghiệp:

- **Thứ nhất**, chủ động xây dựng và áp dụng các biện pháp PCTN đã được chuẩn hóa như Bộ tiêu chuẩn ISO 37001⁷⁹ hoặc Bộ Nguyên tắc Phòng chống Hối lộ trong Kinh doanh⁸⁰.
- **Thứ hai**, đánh giá hồ sơ liêm chính của người lao động trong quá trình tuyển dụng kiểm tra tham chiếu với nơi làm việc trước đó của người lao động.
- **Thứ ba**, áp dụng và thực thi hiệu quả chính sách kê khai nguy cơ xung đột lợi ích và phòng chống xung đột lợi ích.⁸¹ Điều này sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả kinh doanh, giảm thiểu tham nhũng, lãng phí.

⁷⁹ Tổ chức Tiêu chuẩn hoá thế giới, Bộ tiêu chuẩn ISO 37001 về Chống Hối lộ

⁸⁰ Tổ chức Minh bạch Quốc tế, Bộ Nguyên tắc Phòng chống Hối lộ trong Kinh doanh, 2013

⁸¹ Tham khảo Chính sách và quy trình quản lý xung đột lợi ích trong kinh doanh của Tổ chức Hướng tới Minh bạch

- **Thứ tư**, phòng, chống hối lộ và “lại quả” trong công tác mua sắm đầu vào cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Chính sách trao nhận quà tặng, chiêu đãi, kiểm soát chi phí hoa hồng, chiêu đãi và chi phí công tác cần được công khai, minh bạch, nhất quán cho toàn bộ nhân viên.
- **Thứ năm**, thiết lập và đảm bảo việc vận hành hiệu quả kênh báo cáo tố cáo hành vi sai phạm, tham nhũng của doanh nghiệp (do doanh nghiệp tự vận hành hoặc thuê công ty dịch vụ độc lập) để tiếp nhận khiếu nại, tố cáo (kể cả ẩn danh) với chính sách, quy trình rõ ràng, dễ hiểu và tin cậy - làm cơ sở cho việc tăng cường giám sát thực thi các chính sách liêm chính của doanh nghiệp. Tùy theo điều kiện, doanh nghiệp có thể lựa chọn một đơn vị thức ba thực hiện điều này để đảm bảo tính khách quan và bảo mật thông tin.
- **Thứ sáu**, rà soát đối tác kinh doanh trước khi quyết định hợp tác kinh doanh. Đưa vào phạm vi rà soát những tiêu chí liên quan tới hành vi tham nhũng, hối lộ trong quá khứ, và năng lực phòng, chống rủi ro tham nhũng của đối tác.
- **Thứ bảy**, ủng hộ và tham gia các hành động tập thể của hiệp hội, câu lạc bộ, nhóm doanh nghiệp, ví dụ như Nhóm công tác về Quản trị và Liêm chính (GIWG) thuộc Diễn đàn Doanh nghiệp Việt nam (VBF), sáng kiến Liêm chính trong kinh doanh trong khuôn khổ Đề án 12 của Phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt nam (VCCI), Sáng kiến hành động tập thể của các khu công nghệ cao quốc gia (gồm có Khu công nghệ cao TP HCM, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, Khu công nghệ cao Hòa Lạc) để cùng thúc đẩy và chia sẻ các chuẩn mực và thông lệ tốt về liêm chính trong kinh doanh, bảo vệ những doanh nghiệp là nạn nhân của tham nhũng, tố cáo những doanh nghiệp sử dụng tham nhũng để trục lợi và gây tổn hại tới doanh nghiệp khác.

Tuy nhiên, để tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho doanh nghiệp tham gia PCTN, một khuôn khổ thể chế đầy đủ, chặt chẽ, thống nhất là điều kiện tiên quyết. Điều này đòi hỏi Chính phủ cần tiếp tục cải cách và hoàn thiện pháp luật về PCTN trên cơ sở cân nhắc các văn bản luật chuyên ngành liên quan trực tiếp đến doanh nghiệp như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Hải quan, các luật về thuế... để loại bỏ những quy định gây cản trở sự lành mạnh và thông suốt của môi trường kinh doanh theo định hướng của Nghị quyết 19-2017/NQ-CP của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020.

Đồng thời, Chính phủ cần khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các sáng kiến PCTN trong kinh doanh của doanh nghiệp và hỗ trợ thiết lập cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các sáng kiến này với các bên liên quan như cơ quan thuế, hải quan, cơ quan quản lý chuyên ngành, kiểm toán, các cơ quan đánh giá xếp hạng, nhà đầu tư, các tổ chức xã hội nghề nghiệp và người lao động.

Trung tâm nghiên cứu Quản trị Xã hội (CENSOGOR)

Điện thoại: +84 4 37153532 /+84 978323568

Fax: +84 4 37153443

Email: xuandung@cgr.vn